Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH LUẬT

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

HẢI PHÒNG –

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

GIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH LUẬT

Sinh viên : Trần Quang Huy

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lê Thu Trang

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

HẢI PHÒNG –

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên:Trần Quang Huy Mã SV: 1712901006

Lớp : PL2102

Ngành: Luật

Tên đề tài: Giao kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Tập trung làm rõ những điểm mới nổi bật của Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ luật Dân sự năm 2005 về vấn đề giao kết, thực hiện hợp đồng, nghiên cứu những vấn đề đó dưới góc độ lý luận chung, quy định của pháp luật, căn cứ vào việc áp dụng các quy định trong thực tế, kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Hiến pháp năm 2013
- Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Luật Thương mại năm 2005.
- Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010.
- Luật Trọng tài Thương mại năm 2010.
- Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Những nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế - NXB TP HCM/1999.
- Giáo trình Luật dân sự 1- Trường ĐH Luật Hà Nội 2021.
- Giáo trình Luật dân sự 2 - Trường ĐH Luật Hà Nội 2021.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- **TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT HẢI PHÒNG**

- Tòa nhà VNPT Hải Phòng, Lô C6, Trung tâm Hành chính Quận Hải

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

An, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Giao kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : **Lê Thu Trang**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

Dân sự năm 2015

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 12 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày02 tháng 04 năm 2022

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Hải Phòng, ngày… tháng… năm 2022

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

XÁC NHẬN CỦA KHOA

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là bài luận độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong bài luận chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong bài luận là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của bài luận này.

TÁC GIẢ BÀI LUẬN

TRẦN QUANG HUY

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật Dân sự
CISG	The United Nation Convention on Contracts for The International Sales of Goods (Công ước của Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hay còn gọi là Công ước Viên 1980)
PECL	Principles of European Contract Law (Bộ Nguyên tắc Luật Hợp đồng Châu Âu)
PICC	Principles of International Commercial Contract (Bộ Nguyên tắc hợp đồng thương mại Quốc tế của UNIDROIT)
TAND	Tòa án Nhân dân
TANDTC	Tòa án Nhân dân Tối cao

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

MỤC LỤC

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

LỜI CAM ĐOAN 6

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 7

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀGIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG 6

1.1. Một số vấn đề lý luận về giao kết hợp đồng 6

1.1.1. Khái niệm giao kết hợp đồng 6

1.1.2. Trình tự giao kết hợp đồng 7

1.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng 10

1.2. Một số vấn đề lý luận về thực hiện hợp đồng 12

1.2.1. Khái niệm 12

1.2.2. Đặc điểm thực hiện hợp đồng 13

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 17

2.1. Thực trạng pháp luật về giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 17

2.1.1. Đề nghị giao kết hợp đồng 17

2.1.2. Chấp nhậnđề nghị giao kết hợp đồng 22

2.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng 28

2.2. Thực trạng pháp luật về thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 29

2.2.1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng 29

2.2.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản 31

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 40
.....
Chương 3:GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT, THỰC HIỆNHỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 41
.....

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 41
.....
3.1.1.Đề nghị giao kết hợp đồng 41
.....
3.1.2. Chấp nhận nhận đề nghị giao kết hợp đồng 43
.....
3.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng 45
.....

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 48
.....

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

3.2.1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng *48*

3.2.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản *48*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 **51**

KẾT LUẬN **52**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO **53**

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của bài luận

Hợp đồng luôn là một công cụ quan trọng, được sử dụng rộng rãi nhằm phục vụ nhu cầu và lợi ích khác nhau của các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Để tạo lập hợp đồng, các bên tham gia phải tiến hành giao kết hợp đồng. Giao kết hợp đồng là quá trình trao đổi, đàm phán, thương thảo để đi đến sự thống nhất ý chí về việc cùng nhau tạo lập hợp đồng hoàn chỉnh. Khi hợp đồng có hiệu lực sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Các bên sẽ thực hiện hợp đồng nhằm đạt được các "thỏa thuận" đã đề ra trong quá trình giao kết. Chính vì thế, quy định về hợp đồng nói chung và quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng nói riêng trở thành một phần không thể thiếu trong Bộ luật Dân sự của các quốc gia trên thế giới.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào các thể chế kinh tế quốc tế đòi hỏi cần phải có sự cải cách thích ứng hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật về hợp đồng, theo hướng tiếp thu có chọn lọc những điểm tiến bộ trong pháp luật hợp đồng của các nước và của các bộ nguyên tắc hợp đồng quốc tế, làm cho pháp luật hợp đồng Việt Nam ngày càng hoàn thiện và có sự tương đồng hơn so với pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) và thay thế Bộ luật Dân sự năm 2005 có nhiều đổi mới về kết cấu, nội dung, hình thức thể hiện tư duy pháp lý và quan điểm lập pháp phù hợp, có nhiều nội dung mới về hợp đồng, trong đó có giao kết và thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh Bộ luật Dân sự năm 2015 mới được thông qua, các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa kịp quy định hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự, mặt khác, các quan hệ dân sự rất rộng và phức tạp, liên tục phát triển nên việc nghiên cứu về lý luận, phân tích và đánh giá về giao kết, thực hiện hợp đồng đặc biệt là chú trọng vào những thay đổi giữa hai Bộ luật Dân sự để đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng là một vấn đề mang tính cấp thiết. Với nhận thức đó, sinh viên lựa chọn đề tài "***Giao kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015"*** để làm bài luận của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học xã hội và pháp lý từ trước đến nay, vấn đề giao kết, thực hiện hợp đồng đã nhận được sự quan tâm đáng kể của nhiều nhà nghiên cứu.

Các đề tài nghiên cứu, sách chuyên khảo có thể kể đến như sau:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

- Các sách chuyên khảo Bình luận về Bộ luật Dân sự năm 2015 như: "*Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015"* do PGS.TS. Nguyễn Văn Cừ

- PGS.TS. Trần Thị Huệ đồng chủ biên xuất bản năm 2017, Nxb. Công an

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nhân dân, Hà Nội; "*Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015"* do TS. Nguyễn Minh Tuấn chủ biên xuất bản năm 2017, Nxb. Tư pháp, Hà Nội;

"*Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015"* do

PGS.TS. Đỗ Văn Đại chủ biên xuất bản năm 2016, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, Hà Nội. Các công trình khoa học trên là tài liệu tham khảo quý giá, đã phân tích và làm rõ nội dung từng điều luật của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, hầu hết các công trình này không tập trung đánh giá thực tiễn thi hành các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Sách chuyên khảo *"Thời điểm giao kết hợp đồng trong pháp luật của một số nước trên thế giới, các bộ nguyên tắc hợp đồng quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam"* của TS. Lê Minh Hùng (chủ biên, 2015), Nxb. Hồng Đức, HàNội. Công trình này trình bày những nội dung cơ bản và chuyên sâu về thời điểm giao kết hợp đồng, trong đó có đề cập đến vấn đề giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, công trình này được nghiên cứu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, chưa có sự cập nhật các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Sách chuyên khảo "*Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án – tập 1 và 2"* của PGS.TS. Đỗ Văn Đại năm 2011, Nxb. Chính trị

Quốc gia, Hà Nội. Công trình này có phần nghiên cứu, bình luận đối với một số bản án có liên quan đến việc giao kết, thực hiện hợp đồng trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, các nội dung này không tập trung nghiên cứu sâu các vấn đề lý luận chung về giao kết, thực hiện hợp đồng và chưa đặt vấn đề so sánh với pháp luật quốc tế.

Các bài viết khoa học trên các tạp chí chuyên ngành:

- Nguyễn Văn Phái (2010), "Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đề nghị giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự"*, Nghiên cứu lập pháp,*

(24). Công trình này đã có sự nghiên cứu về các quy định liên quan đến đề nghị giao kết hợp đồng, đưa ra những kiến nghị giải pháp. Tuy nhiên, công trình chỉ mới dừng lại ở đề nghị giao kết hợp đồng, một bước trong quá trình giao kết hợp đồng.

- Trần Quỳnh Anh (2009), "Pháp luật về hợp đồng của Singapore"*, Luật học*, (12). Trong công trình này có đề cập và so sánh ngắn các quy địnhgiao kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 với pháp luật của Singapore.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nghiên cứu ở quy mô Khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ có một số công trình sau đây:

- Vũ Đức Lịch (2010), *Một số vấn đề cơ bản về giao kết hợp đồng dân sự trong pháp luật Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Luận văn này đã phân tích làm rõ một số vấn đề cơ bản trong quá trình giao kết hợp đồng và thực tiễn áp dụng pháp luật về giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Thái Thị Hải Yến (2013), *Thực hiện hợp đồng dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, HàNội. Công trình này trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật thực định về thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Trần Hồng Anh (2016), *Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản,* Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Công trình nghiên cứu nội dung liên quan đến thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, chủ yếu tập trung vào khía cạnh điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, theo Điều 420 của Bộ luật Dân sự năm 2015, không nghiên cứu những điểm mới khác về thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các tài liệu kể trên là nguồn tài liệu vô cùng phong phú và có ý nghĩa tham khảo trong quá trình nghiên cứu và định hướng các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng ở Việt Nam. Tuy nhiên, do Bộ luật Dân sự năm 2015 vừa mới được thông qua nên hầu hết các công trình nghiên cứu với nội dung được xây dựng trên nền các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 đều cần bổ sung các yếu tố cập nhật; trong khi đó, các sách chuyên khảo Bình luận Khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 nghiên cứu theo Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng không tập trung phân tích về vấn đề giao kết, thực hiện hợp đồng. Do đó, việc nghiên cứu và đánh giá về giao kết, thực hiện hợp đồng đặc biệt là những điểm mới theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 là hết sức cần thiết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của bài luận

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Bài luận nghiên cứu quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định đó thông qua các bản án, số liệu được công bố của các cơ quan, tổ chức và một số quy định pháp luật của quốc tế để rút ra các kết luận nghiên cứu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, với nhiều quy định mới về hợp đồng, tác động không nhỏ tới quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng trong thực tiễn. Tuy nhiên, do giao kết, thực hiện hợp đồng trong pháp luật Việt Nam là một vấn đề có phạm vi rộng, với nhiều nội dung phức tạp nên trong phạm vi bài luận tốt nghiệp tác giả không nghiên cứu mọi vấn đề liên quan tới giao kết, thực hiện hợp đồng, mà chỉ tập trung làm rõ những điểm mới nổi bật của Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

luật Dân sự năm 2005 về vấn đề giao kết, thực hiện hợp đồng, nghiên cứu những vấn đề đó dưới góc độ lý luận chung, quy định của pháp luật, căn cứ vào việc áp dụng các quy định trong thực tế, kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

4.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của bài luận là thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận, phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng, thêm thực tiễn áp dụng và pháp lý của vấn đề này. Bên cạnh đó, tác giả chọn lọc những điểm tiến bộ trong pháp luật các nước, đồng thời đưa ra những kiến nghị cụ thể để bổ sung, sửa đổi các quy định còn bất cập trong Bộ luật Dân sự hiện nay.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trình bày ở trên, bài luận có nhiệm vụ làm sáng tỏ những vấn đề sau:

- Thứ nhất, nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về giao kết, thực hiện hợp đồng. Những vấn đề lý luận này tạo cơ sở khoa học để tác giả nghiên cứu các nội dung cơ bản tiếp sau của bài luận.

- Thứ hai, nghiên cứu thực trạng pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng bằng phương pháp so sánh, đối chiếu tìm ra những điểm mới về giao kết, thực hiện hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ luật Dân sự năm 2005. Từ đó, trên cơ sở áp dụng các quy định đó trên thực tiễn và so sánh với quy định của pháp luật quốc tế để đánh giá những điểm mới nổi bật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Thứ ba, từ những vấn đề nghiên cứu trên, luận văn luận giải và đề xuất phương hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Bài luận được nghiên cứu dưới sự kết hợp của nhiều phương pháp. Ngoài sử dụng phương pháp luận nghiên cứu của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin, luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như phương pháp chứng minh, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp hệ thống, phương pháp dự báo khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề cần được nghiên cứu trong phạm vi nghiên cứu. Cụ thể:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của đề tài nghiên cứu.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Phương pháp so sánh được sử dụng ở hầu hết các nội dung của luận văn, và tập trung chủ yếu sử dụng ở Chương 2 nhằm so sánh các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 để tìm ra những điểm mới về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015; giữa các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 với quy định của pháp luật quốc tế.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Phương pháp chứng minh được sử dụng hầu hết các chương của luận văn, nhằm đưa ra các dẫn chứng (quy định, tài liệu, số liệu, vụ việc thực tiễn...)để làm rõ các vấn đề nghiên cứu ở từng Chương.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng chủ yếu trong việc rút ra các kết luận nghiên cứu.

- Phương pháp dự báo khoa học được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu phân tích tìm ra những điểm hợp lý cũng như bất cập trong các quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng để từ đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của bài luận

- Nghiên cứu một cách có hệ thống một số vấn đề lý luận về hợp đồng, giao kết thực hiện hợp đồng.

- Có sự so sánh, đối chiếu quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 với Bộ luật Dân sự năm 2005 để tìm ra những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng.

- Đánh giá những điểm mới nổi bật của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng theo hai tiêu chí: thực tiễn áp dụng các quy định tại Việt Nam và so sánh đối chiếu với quy định của pháp luật quốc tế.

- Thông qua việc đánh giá những điểm bất cập của pháp luật hiện hành về giao kết, thực hiện hợp đồng từ đó đưa ra một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng.

7. Cơ cấu của bài luận

Bài luận ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, bao gồm 03 Chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về giao kết, thực hiện hợp đồng

Chương 2: Thực trạng pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀGIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1.1. Một số vấn đề lý luận về giao kết hợp đồng

1.1.1. Khái niệm giao kết hợp đồng

Xét về bản chất, hợp đồng là sự thống nhất ý chí của các bên. Tuy nhiên sự thống nhất ý chí không phải chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà trong nhiều trường hợp đó chính là kết quả của quá trình trao đổi, đàm phán để đạt được sự thỏa thuận và thống nhất ý chí về việc cùng nhau tạo lập hợp đồng. Quá trình đó được định danh trong luật bằng thuật ngữ pháp lý "giao kết hợp đồng".

Thuật ngữ "giao kết hợp đồng" là một thuật ngữ pháp lý quan trọng của pháp luật hợp đồng. Tuy nhiên, cách hiểu về thuật ngữ này cũng tồn tại nhiều quan điểm không đồng nhất.

Trong Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học (Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Tố tụng Dân sự) của Trường Đại học Luật Hà Nội có đề cập đến khái niệm "giao kết hợp đồng" và cho rằng: "*Giao kết hợp đồng dân sự là việc các bên bày tỏ và thống nhất ý chí với nhau dưới hình thức lời nói (bằng miệng) hoặc văn bản theo những nguyên tắc và trình tự nhất định nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ dân sự đối với nhau trong hợp đồng dân sự*". Có thể thấy cách hiểu này đã nêu ra được những đặc điểm cơ bản củaquá trình giao kết hợp đồng, tuy nhiên việc liệt kê các hình thức bày tỏ và thống nhất ý chí là hình thức bằng "lời nói" và "văn bản" đã thể hiện sự hạn chế và chưa thật sự phù hợp với thực tế của giao kết hợp đồng.

Không đề cập đến vấn đề hình thức và nội dung của giao kết hợp đồng, Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam Trường Đại học Luật Hà Nội cho rằng: "*Giao kết hợp đồng dân sự là việc các bên bày tỏ ý chí với nhau theo những nguyên tắc và trình tự nhất định để qua đó xác lập với nhau các quyền, nghĩa vụ dân sự*".

Có quan điểm khá tương đồng với quan điểm của Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Lê Minh Hùng đưa ra khái niệm giao kết hợp đồng như sau: "*Giao kết hợp đồng là việc các bên chủ thể bày tỏ ý chí muốn cùng nhau xác lập hợp đồng thông qua sự bàn bạc, trao đổi, thương lượng theo các nguyên tắc và trình tự do luật định để đạt được sự đồng thuận nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng giữa các bên với nhau*".

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Qua việc tìm hiểu các khái niệm về giao kết hợp đồng, có thể thấy các quan điểm trên mặc dù có cách diễn đạt khác nhau nhưng tất cả đều đi đến chung bản chất của giao kết hợp đồng là một quá trình pháp lý phức tạp, bao gồm ba yếu tố: có sự tham gia của các bên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trong hợp đồng, có sự bày tỏ ý chí đơn phương của từng bên về việc muốn tạo lập hợp đồng và có sự kết hợp ý chí riêng của mỗi bên để tạo ra sự đồng thuận trong hợp đồng. Để giao kết hợp đồng có hiệu lực, các bên phải bày tỏ ý chí theo những hình thức được pháp luật chấp nhận. Như vậy, giao kết hợp đồng dân sự có thể hiểu là quá trình bày tỏ, thống nhất ý chí giữa các bên theo hình thức, nội dung, nguyên tắc, trình tự nhất định được pháp luật thừa nhận nhằm xác lập quyền, nghĩa vụ đối với nhau.

1.1.2. Trình tự giao kết hợp đồng

Quá trình giao kết hợp đồng bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn đề nghị giao kết hợp đồng và giai đoạn trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

1.1.2.1. Đề nghị giao kết hợp đồng

Để khởi tạo một hợp đồng, cần có sự khởi xướng của một bên đầu tiên. Thường thì sự khởi xướng của một bên có thể bắt đầu bằng những tuyên bố có tính chất đề xuất thương lượng hợp đồng hoặc là đề nghị giao kết hợp đồng.

Về mặt lý luận, đề nghị giao kết hợp đồng được hiểu là một hành vi pháp lý đơn phương của một bên nhằm thể hiện ý chí của mình về việc muốn cùng một bên (có thể là một hoặc nhiều người xác định) giao kết hợp đồng với những nội dung và điều kiện cụ thể.

Đề nghị giao kết hợp đồng phải đáp ứng được những yêu cầu pháp lý nhất định, thường là các yêu cầu như sau:

Một là, lời đề nghị được đưa ra bởi người có tư cách giao kết, xác lập hợp đồng. Muốn trở thành chủ thể của các quan hệ dân sự, các chủ thể phải có tư cách chủ thể để tham gia quan hệ pháp luật trong lĩnh vực tương ứng đó. Vì vậy, một lời đề nghị muốn có hiệu lực ràng buộc với bên đưa ra đề nghị, chủ thể đưa ra đề nghị phải có năng lực chủ thể và tư cách chủ thể để tham gia vào quan hệ pháp luật hợp đồng. Năng lực chủ thể ở đây bao gồm cả năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của chủ thể.

Hai là, nội dung của lời đề nghị phải rõ ràng, cụ thể. Một đề nghị phải xác định rõ ràng, nếu không, nó không được coi là một đề nghị giao kết hợp đồng mà chỉ là một đề nghị thương lượng hợp đồng. Tính xác định của một đề nghị thể hiện ở nội dung của nó. Tùy vào quan niệm pháp lý khác nhau mà tính rõ ràng, cụ thể của nội dung hợp đồng có thể được hiểu khác nhau. Có quan điểm cho rằng, đề nghị giao kết hợp đồng phải chứa đựng các nội dung cơ bản của hợp đồng tương lai, để đảm bảo rằng khi bên được đề nghị trả lời chấp nhận đề nghị thì hợp đồng được giao kết với nội dung được xác định trong đề nghị và tránh được việc

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

tòa án tuyên bố hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng vô hiệu nếu thiếu các điều khoản chủ yếu. Một quan điểm khác, theo GS. Vũ Văn Mẫu: "*trong đề nghị cần phải nêu rõ ràng về các nội dung tối thiểu, thể hiện được bản chất và chủ đích của*

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hợp đồng". Tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai. Bởi vì việc bắt buộc đề nghị giao kết hợp đồng phải chứa đựng đầy đủ những nội dung cơ bản của hợp đồng là thiếu tính khả thi, không phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đời sống. Nhưng nếu một đề nghị không hàm chứa những thông tin quan trọng thể hiện rõ ý định cụ thể của bên đề nghị về việc giao kết loại hợp đồng gì thì cũng sẽ không đủ cơ sở để coi đó là một đề nghị có giá trị pháp lý, vì không có nội dung cụ thể để có thể hiểu và thực hiện chúng. Chính vì vậy, sự rõ ràng và xác định của đề nghị giao kết hợp đồng có nghĩa là đề nghị giao kết đó phải thể hiện được mong muốn, chủ đích của hợp đồng và sự thiện chí của bên đề nghị giao kết.

Ba là, đề nghị phải được gửi đến cho một hoặc nhiều người xác định. Lời đề nghị phải được đưa ra cho một bên khác xác định. Người nhận đề nghị có thể là một thể nhân hoặc một pháp nhân: cá nhân được xác định bởi họ tên, quốc tịch, hộ khẩu thường trú (hoặc địa chỉ tạm trú); pháp nhân được xác định bởi tên, gọi, trụ sở và quốc tịch. Tính xác định của người được đề nghị thường được thể hiện khi bên đề nghị gửi đề nghị giao kết hợp đồng, vì khi đó bên đề nghị đã xác định được họ muốn giao kết hợp đồng với ai. Việc hiểu như thế nào về một hoặc nhiều người xác định đã dẫn đến trên thế giới hiện nay có hai xu hướng khác nhau tiếp cận về đề nghị giao kết hợp đồng liên quan đến người được đề nghị. Theo xu hướng thứ nhất, đề nghị giao kết hợp đồng có thể được thể hiện đối với một chủ thể xác định cũng như đối với công chúng (quảng cáo, thông báo...). Những người theo xu hướng này giải thích "tính xác định cụ thể của người đề nghị" không phụ thuộc vào số lượng người mà chỉ cần trong lời đề nghị đưa ra được những tiêu chí khách quan để có thể xác định được rõ bên mà đề nghị sẽ được gửi tới. Xu hướng thứ hai là chỉ chấp nhận những đề nghị được thể hiện đối với một hay nhiều chủ thể được xác định hay có thể được xác định. Một lời đề nghị không thể được gửi tới công chúng vì công chúng là một tập người không xác định.

Bốn là, bên đề nghị thật sự có ý muốn tạo lập hợp đồng. Đề nghị phải thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và mong muốn được ràng buộc của bên đưa ra đề nghị đối với bên được đề nghị về những nội dung của đề nghị trên cơ sở nguyên tắc trung thực và thiện chí. Điều này thể hiện ở chỗ tuyên bố đề

nghị giao kết hợp đồng phải là một hành vi nghiêm túc, thể hiện ý nguyện thực sự của bên đề nghị về việc muốn cùng bên kia giao kết, xác lập hợp đồng, bên được đề nghị tin tưởng rằng chỉ cần trả lời chấp nhận là hợp đồng được ký kết, sự chắc chắn đó tạo ra những ràng buộc pháp lý đối với bên đưa ra đề nghị. Để xác định ý chí mong muốn bị ràng buộc, người ta dựa vào tiêu chí: cách thức bên đề nghị trình bày một đề nghị, nội dung của bên đề nghị.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Như vậy, đề nghị giao kết hợp đồng khác với lời đề xuất, chào mời thương lượng vì tính chất ràng buộc pháp lý của nó. Đề xuất, chào mời thương lượng (mời đàm phán hợp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đồng) thường chỉ nêu ra sơ lược ý định giao dịch hay gợi ý để đối tác đặt hàng hay chào hàng. Do vậy, về mặt pháp lý, lời chào mời thương lượng hợp đồng hay đề xuất không có giá trị pháp lý ràng buộc đối với người mời. Trái lại, lời đề nghị giao kết hợp đồng được tạo ra hợp pháp, đáp ứng được những yêu cầu pháp lý được trình bày ở trên thì có hiệu lực ràng buộc đối với bên đưa ra đề nghị.

1.1.2.2. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng

Chấp nhận đề nghị giao kết là lời hồi đáp của bên nhận được đề nghị với bên đề nghị để tạo nên một hợp đồng có hiệu lực ràng buộc giữa các bên. Cũng giống như đề nghị giao kết hợp đồng, để việc chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng được coi là hợp lệ và có hiệu lực ràng buộc về việc xác lập hợp đồng thì việc trả lời chấp nhận phải thỏa mãn các yêu cầu pháp lý sau đây:

Một là, người trả lời chấp nhận phải có năng lực chủ thể để xác lập hợp đồng. Tương tự như đối với lời đề nghị giao kết hợp đồng, những cá nhân, tổ chức không có tư cách chủ thể để giao kết, thực hiện hợp đồng thì cũng không thể trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng, vì hợp đồng được giao kết bởi họ có thể bị vô hiệu hoặc không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đây là yêu cầu bắt buộc cho mọi giao dịch, kể cả đề nghị giao kết, chấp nhận đề nghị trong quá trình giao kết hợp đồng.

Hai là, nội dung chấp nhận giữa chấp nhận đề nghị với đề nghị giao kết hợp đồng. Sự chấp nhận không những thể hiện ý chí muốn giao kết hợp đồng của người được đề nghị với người đưa ra đề nghị mà còn phải phù hợp với đề nghị giao kết hợp đồng. Có hai quan điểm khi xác định phạm vi chấp nhận giữa chấp nhận với đề nghị giao kết hợp đồng. Quan điểm thứ nhất cho rằng sự trả lời đồng ý phải được hiểu là đồng ý toàn bộ nội dung của đề nghị mà không đưa thêm điều kiện nào khác và không giới hạn phạm vi hay bảo lưu bất cứ điều gì so với đề nghị. Đề nghị và chấp nhận phải trùng khớp với nhau như "ảnh và vật qua gương". Theo quan điểm này, sự tuyên bố chấp nhận giao kết hợp đồng của bên được đề nghị phải là sự đồng ý hoàn toàn các nội dung của đề nghị, sự trả lời có nêu điều kiện sửa đổi, bổ sung hoặc có giới hạn điều kiện, hay đưa thêm bất kỳ sự điều chỉnh nào khác so với nội dung của đề nghị là một hành vi biểu lộ chí ý về việc muốn tạo lập hợp đồng với những nội dung và điều kiện xác định mới được thể hiện theo mong muốn của bên nhận được đề nghị, vì vậy trong trường hợp này sự trả lời này lại được xem như một đề nghị mới. Quan điểm thứ hai lại coi chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự chấp nhận toàn bộ nội dung

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

chủ yếu của đề nghị giao kết hợp đồng và có thể đưa ra những sửa đổi, bổ sung nhưng không làm ảnh hưởng đến những nội dung chủ yếu của đề nghị giao kết

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hợp đồng. Bất kỳ sự bổ sung nào cũng phải nêu rõ lý do và không vấp phải sự phản đối ngay lập tức của bên đưa ra đề nghị.

Ba là, việc trả lời chấp nhận phải được đưa ra trong thời hạn xác định được ấn định trong đề nghị giao kết. Một điều hiển nhiên là bên đề nghị

không thể tự mình ràng buộc vĩnh viễn với đề nghị giao kết hợp đồng. Do đó, việc trả lời chấp nhận đề nghị phải được đưa ra trong thời hạn xác định được ấn định trong đề nghị giao kết. Nếu đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời thì bên được đề nghị phải trả lời đề nghị cho bên đề nghị trong thời gian hợp lý.

Nếu trả lời chấp nhận đến sau khi hết thời hạn trả lời, thì việc trả lời chấp nhận đề nghị không có giá trị làm cho hợp đồng được giao kết mà sự trả lời đó sẽ trở thành lời đề nghị mới đối với bên đã đưa ra đề nghị trước đó.

Bốn là, trả lời chấp nhận phải được thể hiện dưới một hình thức xác định. Sự chấp nhận giao kết hợp đồng phải được thể hiện ra bên ngoài dưới một hình thức nhất định, đó có thể là lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể. Theo pháp luật, theo tập quán hoặc theo thói quen giữa các bên thì hình thức trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng là hình thức hợp lệ, thể hiện rõ ràng ý chí của bên trả lời và qua đó bên đề nghị giao kết hợp đồng có thể nhận thức được nội dung của sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng. Trong nhiều trường hợp, việc chấp nhận có thể được thể hiện bằng hành vi cụ thể hoặc thậm chí, bằng sự im lặng. Tuy nhiên, sự im lặng không được coi là một hình thức trả lời chấp nhận hiểu theo nghĩa tổng quát, mà chỉ là "hình thức" chấp nhận mang tính ngoại lệ, có giới hạn áp dụng cho một số trường hợp đặc biệt. Trong lý luận, chỉ coi im lặng là chấp nhận giao kết hợp đồng trong một số trường hợp như: (i) Khi pháp luật có quy định với những điều kiện cụ thể kèm theo; (ii) Khi các bên có thỏa thuận trước về thời hạn để từ chối giao kết hợp đồng, nhưng hết thời hạn mà bên được đề nghị vẫn im lặng; (iii) Trong một số nghề nghiệp có tập quán coi im lặng là chấp nhận; (iv) Thực tiễn các bên có thói quen giao dịch và xem im lặng là chấp nhận.

1.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng

Việc giao kết hợp đồng được coi là có giá trị xác lập hợp đồng khi nó được thực hiện theo những nguyên tắc và trình tự do pháp luật quy định. Bởi vậy, khi điều chỉnh quá trình giao kết hợp đồng, pháp luật không chỉ quy định điều kiện có hiệu lực của đề

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nghị và chấp nhận đề nghị, mà còn chú trọng đến sự thống nhất ý chí giữa các bên và thời điểm có sự thống nhất ý chí. Đó gọi là thời điểm giao kết hợp đồng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Xét từ góc độ kỹ thuật pháp lý, thời điểm giao kết hợp đồng là một khoảng thời gian ngắn hoặc một thời điểm được xác định cụ thể. Tại thời điểm này, các bên chấm dứt quá trình đàm phán, thương lượng và đạt được sự đồng thuận, thống nhất ý chí cùng nhau xác lập hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ phát sinh, được pháp luật công nhận và bảo đảm thực hiện.

Thời điểm giao kết hợp đồng thường là thời điểm các bên thỏa thuận xong nội dung của hợp đồng, hay khi bên đề nghị đã nhận được trả lời chấp nhận hợp lệ của bên được đề nghị. Thông thường thời điểm giao kết hợp đồng có thể được tính bằng một ngày cụ thể. Đôi khi cũng có thể được tính bằng giờ, phút xác định hay thậm chí tính bằng giây xác định, nhất là trong các giao dịch được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử hay phương tiện kỹ thuật số có hiển thị đồng hồ tính giờ điện tử hoặc các giao dịch liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm, bán đấu giá, mua bán cổ phiếu hay mua bán nhà trên sàn giao dịch.

Như vậy, thời điểm giao kết hợp đồng là mốc thời gian đánh dấu sự ràng buộc pháp lý giữa các bên, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mà kể từ thời điểm đó các bên không được đơn phương thay đổi hoặc rút lại các cam kết trong hợp đồng và phải chịu trách nhiệm dân sự nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ dân sự phát sinh từ hợp đồng.

Hầu hết các bộ pháp điển về luật hợp đồng trên thế giới đều có quy định cụ thể về thời điểm giao kết hợp đồng. Việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng trong hầu hết các bộ pháp điển này đều dựa vào phương thức giao kết. Có hai phương thức giao kết hợp đồng chủ yếu, đó là: phương thức giao kết trực tiếp (giao kết với người có mặt) và phương thức giao kết gián tiếp (giao kết với người vắng mặt). Việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng trong từng phương thức giao kết thì có sự khác nhau. Ngoài ra, trong những tình huống đặc biệt, việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng có thể sẽ đặt trên những quy định đặc thù. Đối với việc giao kết hợp đồng bằng phương thức gián tiếp thì việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng là khá phức tạp vì nó phụ thuộc vào hình thức trả lời chấp nhận (bằng thư tín, hành vi cụ thể hay bằng sự im lặng) và cũng phụ thuộc rất nhiều vào quan niệm lập pháp, cách tiếp cận vấn đề liên quan đến khoa học thông tin của pháp luật từng quốc gia, từng hệ thống pháp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

luật. Do tính chất phức tạp của vấn đề như trên nên trong phần nghiên cứu về lý luận thời điểm giao kết, tác giả không đề cập đến cách xác

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

định thời điểm giao kết trong những trường hợp giao kết hợp đồng đặc biệt, mà chỉ tập trung nghiên cứu về thời điểm giao kết theo nguyên tắc chung.

- Thời điểm giao kết hợp đồng trong trường hợp giao kết trực tiếp

Giao kết trực tiếp (giao kết với người có mặt) là việc các bên trao đổi

trực tiếp với nhau thông qua cách gặp gỡ hoặc bằng các phương tiện truyền tin tương tác trực tuyến để tiến hành giao kết hợp đồng, đi đến sự thống nhất ý chí, xác lập hợp đồng ngay tại thời điểm đó.

- Thời điểm giao kết hợp đồng trong trường hợp giao kết gián tiếp Giao

kết hợp đồng gián tiếp (hay giao kết hợp đồng với người vắng mặt)

là việc các bên tham gia hợp đồng không trực tiếp gặp gỡ để đàm phán về nội dung của hợp đồng mà chỉ là trao đổi thông tin qua các phương tiện thông tin,

liên lạc để thỏa thuận về việc xác lập hợp đồng và sau một khoảng thời gian nhất định thông tin về nội dung hợp đồng mới được truyền tới bên kia[13]. Thông thường, việc giao kết gián tiếp sẽ được thực hiện thông qua email, thư tín, điện tín, tin nhắn trên điện thoại...

giữa những người ở khoảng cách địa lí ở xa nhau và không có điều kiện gặp gỡ trực tiếp hoặc sử dụng các phương tiện truyền tin trực tuyến.

1.2. Một số vấn đề lý luận về thực hiện hợp đồng

1.2.1. Khái niệm

Sau khi các bên đã giao kết hợp đồng dưới một hình thức nhất định phù hợp với pháp luật và hợp đồng đó đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà pháp luật yêu cầu thì hợp đồng có hiệu lực bắt buộc đối với các bên. Theo đó, các bên trong hợp đồng bắt đầu triển khai thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng đúng với tính chất đối tượng, thời hạn, phương thức và địa điểm mà nội dung của hợp đồng đã xác định. Vì vậy, thực hiện hợp đồng là việc các bên tiến hành các hành vi mà mỗi một bên tham gia hợp đồng phải thực hiện nhằm đáp ứng những quyền dân sự tương ứng của bên kia.

Theo Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp: "*Thực hiện hợp đồng là những hành vi của các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng nhằm làm cho các điều khoản, nội dung đã cam kết trong hợp đồng trở thành hiện thực*". Như vậy, theo

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

cách hiểu này, thực hiện hợp đồng chính là quá trình các bên trong hợp đồng tuân thủ và làm theo những điều khoản, nội dung đã cam kết.

Cũng theo định nghĩa tại cuốn Từ điển luật học Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp thì "thực hiện nghĩa vụ" là: "*thực hiện việc phải làm – hành động hoặc không hành động, làm hoặc không làm một việc. Trong giao lưu dân sự, nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân*

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

sự là người có nghĩa vụ dân sự phải thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, theo tinh thần hợp tác, đúng cam kết, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Việc thực hiện nghĩa vụ phải được tiến hành tại một nơi nhất định, vào một thời điểm nhất định do các bên thỏa thuận". Như vậy "thực hiện" ở đây được thể qua việc thực hiện nhữnghành vi cụ thể hoặc không thực hiện những hành vi thuộc đối tượng của hợp đồng – hay còn gọi là thực hiện nghĩa vụ trên thực tế.

Như vậy, thực hiện hợp đồng là thực hiện những quyền và nghĩa vụ phát sinh trong hợp đồng. Thông thường, trong hợp đồng, quyền của bên này tương ứng với nghĩa vụ của bên kia. Theo đó, kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng đó có các quyền, nghĩa vụ đối lập nhau. Nói cách khác, trong một hợp đồng nếu bên này có quyền thì đồng nghĩa với việc bên kia có nghĩa vụ tương ứng với quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia. Tính chất tương ứng và đối lập nhau về quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên trong hợp đồng dẫn hệ quả là quyền lợi của bên này chỉ đạt được khi bên kia thực hiện các hành vi mang tính nghĩa vụ.

Tóm lại, thực hiện hợp đồng có thể được hiểu là bên có nghĩa vụ trong hợp đồng phải làm hoặc không được làm một công việc theo một thời hạn nhất định đã được xác định trong nội dung của hợp đồng, qua đó thỏa mãn quyền dân sự tương ứng của bên kia.

1.2.2. Đặc điểm thực hiện hợp đồng

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một trong những chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật dân sự nói chung, điều này được thể hiện rõ từ thời pháp luật La Mã cổ đại đến những hệ thống pháp luật của các quốc gia hiện đại. Tuy ở một số quốc gia có sự phân định bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nhưng nhìn chung,tất cả đều hướng đến một nguyên tắc thống nhất là người gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Ở mục này, tác giả không nghiên cứu mọi vấn đề liên quan tới trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, mà chỉ tập trung làm rõ những thiệt hại được bồi thường do
vi phạm hợp đồng.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là trách nhiệm phát sinh từ quan hệ hợp đồng nhằm buộc bên có hành vi vi phạm hợp đồng gây ra thiệt hại nhưng không thuộc các trường hợp được loại trừ trách nhiệm, phải bù đắp các tổn thất về vật chất và tinh thần cho bên bị thiệt hại trên cơ sở thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Về cơ bản, khi một bên có hành vi vi phạm nghĩa vụ quy định trong hợp đồng mà là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại cho bên còn lại thì phải tiến hành bồi thường thiệt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hại cho bên đó. Theo Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, thiệt hại được hiểu là: "*tổn thất về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân; tài sản, danh dự, uy tín của pháp nhân hoặc của chủ thể khác được pháp luật bảo vệ*". Như vậy, thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợpđồng bao gồm thiệt hại vật chất và thiệt hại về tinh thần, bao gồm các lợi ích mà người có quyền lẽ ra sẽ được hưởng nếu bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các chi phí phát sinh mà bên có quyền phải chịu do hệ quả của việc không thực hiện đúng hợp đồng gây ra và có thể là các tổn thất tinh thần mà bên có quyền phải chịu.

Về bản chất, những thiệt hại trực tiếp được hiểu là những thiệt hại kéo theo một cách trực tiếp do hành vi vi phạm nghĩa vụ. Những khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm có thể được hiểu là những thiệt hại mà mình đã dự đoán từ trước hoặc đã có thể dự đoán trước một cách hợp lý, vào thời điểm giao kết hợp đồng như là một hậu quả có thể xảy ra từ việc không thực hiện. Để một thiệt hại được xác định là khoản lợi mà bên vi phạm đáng lẽ được hưởng, cần làm rõ tính dự liệu trước của khoản lợi chứ không phải mọi khoản lợi đều được bồi thường. Trong pháp luật La Mã, có sự phân biệt "thiệt hại" thành hai loại; tổn thất thực tế và lợi tức đáng được hưởng, việc tính toán thiệt hại phải bồi thường được xác định là thiệt hại trực tiếp mà không được suy đoán tùy tiện do việc thiếu quan tâm của người bị hại.

Đối với những thiệt hại về vật chất, theo Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, "thiệt hại về vật chất" được hiểu là: "*tổn chất về vật chất có thể tính thành tiền. Thiệt hại về vật chất bao gồm: tài sản bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng; chi phí phải bỏ ra để khắc phục, ngăn chặn thiệt hại cùng những hoa lợi, lợi tức không thu được mà đáng ra thu được*".

Đối với những tổn thất về tinh thần, theo Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, "thiệt hại về tinh thần" được hiểu là: "*tổn thất về danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc suy sụp về tâm lí, tình cảm của cá nhân. Khác với thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần không có tiêu chí chung để xác định cho mọi cá nhân bởi điều kiện, hoàn cảnh của từng cá nhân là khác nhau*". Như vậy, thiệt hại về tinh thần cũng được xác định là một loại thiệt hại được bồi thường trong những tranh chấp hợp đồng. Tuy nhiên, những thiệt hại này khá trừu tượng và khó chứng minh. Mức bồi thường này có thể do các bên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

thỏa thuận hoặc nếu không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ dựa trên căn cứ của từng vụ việc để xác định thiệt hại một cách hợp lý và công bằng.

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Khi một đề nghị hợp lệ được đưa ra, đó là giai đoạn thứ nhất – giai đoạn khởi xướng tạo lập hợp đồng. Đây là tiền đề làm hình thành nên một hợp đồng có hiệu lực. Tuy nhiên để hợp đồng có thể được xác lập, thì còn cần có sự trùng lặp ý chí của bên đối tác, đó là giai đoạn thứ hai – có sự chấp nhận đề nghị. Khi sự chấp nhận đề nghị giao kết được thực hiện một cách hợp lệ thì hợp đồng được giao kết. Hợp đồng có hiệu lực sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết. Tuy nhiên, việc giao kết hợp đồng mới tạo ra hình thức pháp lý cho quan hệ trao đổi, còn quyền và nghĩa vụ mà các bên đặt ra có đạt được hay không phải thông qua hành vi trực tiếp là thực hiện hợp đồng. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm hiểu lý luận một số nội dung về giao kết, thực hiện hợp đồng là vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng quyết định đến việc nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong Chương 1, tác giả không nghiên cứu mọi vấn đề liên quan tới giao kết, thực hiện hợp đồng, mà chỉ tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản liên quan tới những nội dung mới về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 dưới góc độ so sánh, đối chiếu với Bộ luật Dân sự năm 2005. Tác giả đã làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về khái niệm giao kết hợp đồng, trình tự và thời điểm giao kết hợp đồng, khái niệm thực hiện hợp đồng, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

2.1. Thực trạng pháp luật về giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Bắt đầu từ Bộ luật Dân sự (sau đây viết tắt là "BLDS") năm 2005, mọi hợp đồng, cho dù phát sinh trong lĩnh vực cụ thể nào, đều được coi là hợp đồng dân sự và chịu sự điều chỉnh của BLDS. Tuy nhiên, bởi vì bản thân từ "dân sự" trong pháp luật Việt Nam có thể được hiểu dưới góc độ nghĩa rộng để chỉ chung các vấn đề thuộc lĩnh vực luật tư (bao gồm các vấn đề trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động) vừa có thể hiểu dưới góc độ nghĩa hẹp (chỉ là quan hệ dân sự thuần túy), nên trong quá trình thực hiện và sử dụng thuật ngữ "hợp đồng dân sự" không tránh khỏi cách hiểu rằng các nhà làm luật cố ý phân biệt giữa hợp đồng dân sự với các hợp đồng thuộc lĩnh vực luật chuyên ngành khác như hợp đồng lao động, hợp đồng kinh tế... Cách hiểu này không phù hợp với vị trí, vai trò của BLDS nói chung, cũng như chế định hợp đồng nói riêng – với tư cách là luật chung cho tất cả những vấn đề thuộc lĩnh vực luật tư. Do đó, BLDS năm 2015 đã có sự thay đổi cơ bản về mặt thuật ngữ, tại Điều 385 quy định về khái niệm hợp đồng đã bỏ thuật ngữ "dân sự" theo sau thuật ngữ "hợp đồng" và đồng thời tất cả các quy định khác trong chế định hợp đồng chỉ được đề cập với tên gọi "hợp đồng" thay cho "hợp đồng dân sự".

BLDS năm 2015 đã dành một sự quan tâm khá lớn đối với giao kết hợp đồng và có những sửa đổi, bổ sung về vấn đề này.

2.1.1. Đề nghị giao kết hợp đồng

Đề nghị giao kết hợp đồng được quy định từ Điều 386 đến Điều 392 BLDS năm 2015. Theo đó, mặc dù có nhiều thay đổi về cách diễn đạt nhưng trên tinh thần thì BLDS năm 2015 vẫn giữ nguyên nội dung quy định của BLDS năm 2005 về các vấn đề: thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực, thay đổi, rút lại đề nghị giao kết hợp đồng, hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng, sửa đổi đề nghị do bên được đề nghị đề xuất.

Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 đã có những điểm mới bổ sung, sửa đổi trọng tâm về đề nghị giao kết hợp đồng như sau:

Thứ nhất, về định nghĩa đề nghị giao kết hợp đồng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nếu BLDS năm 2005 chỉ chấp nhận lời đề nghị giao kết hợp đồng được gửi tới một bên đã được xác định cụ thể thì BLDS năm 2015 công nhận cả trường hợp ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này được gửi tới công chúng, theo đó tại khoản

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1 Điều 386 quy định: "*Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị)*".

Khi bổ sung quy định mới này trong BLDS năm 2015, có một số quan điểm cho rằng việc chấp nhận bên nhận được đề nghị là công chúng không phù hợp với đặc điểm của đề nghị giao kết hợp đồng, đó là: đề nghị phải được gửi đến bên được xác định cụ thể, trong khi công chúng là một tập người không xác định. Tuy nhiên, cũng có nhiều quan điểm đồng tình với quy định mới của BLDS năm 2015. Giải thích cho sự đồng tình đó, các quan điểm này cho rằng: một bên có thể mong muốn giao kết hợp đồng với nhiều chủ thể cùng lúc với cùng nội dung và quy định này đã giúp tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho các bên giao kết hợp đồng. Tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai, bởi vì khi một đề nghị đưa ra cho nhiều người xác định với nội dung rõ ràng, thời hạn trả lời xác định, điều kiện về chủ thể xác định, với ý muốn thực sự giao kết hợp đồng, thì đó là một đề nghị giao kết hợp đồng hợp pháp và có giá trị ràng buộc đối với bên đề nghị. Chỉ cần đề nghị đó không mâu thuẫn với quy định của pháp luật và nếu có nhiều người trả lời hợp lệ, thì người đưa ra đề nghị đều phải giao kết hợp đồng và trong trường hợp từ chối giao kết hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm do vi phạm hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định chung. Những người được đề nghị trong trường hợp gửi tới công chúng, mặc dù là một nhóm người, không phải là những cá nhân đã được xác định rõ danh tính, địa chỉ cụ thể nhưng nếu trong lời đề nghị mà bên đề nghị đưa ra có chứa những tiêu chí khách quan để có thể xác định được rõ bên mà đề nghị sẽ gửi tới, chúng ta vẫn có thể xác định được nhóm người dựa trên những điểm đặc thù nhất định.

Thực tiễn ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy có sự xuất hiện sự cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp, tổ chức khi cố tình đưa ra những lời đề nghị hấp dẫn để thu hút khách hàng nhưng sau đó lại có sự thay đổi, rút lại, phủ nhận sự ràng buộc của đề nghị giao kết hợp đồng do mình đưa ra với lý do đề nghị giao kết hợp đồng đó không gửi đích danh đến đối tượng cụ thể nào... Ví dụ như vụ việc của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội. Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội đã đăng tải thông báo trên trang website chính thức của mình với nội dung: Trong dịp hè năm 2017, Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội sẽ tung ra 8.000 vé tàu giá rẻ với mức giá 10.000 đồng/vé, áp dụng trên các đoàn tàu khách từ Hà Nội đi Hải Phòng, Lào Cai, Đồng Đăng, Vinh, Quảng Bình, Đà Nẵng và

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngược lại trong thời gian từ 19/6 đến 30/8/2017. Vé 10.000 đồng được Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội mở bán làm 2 đợt, đợt 1 từ ngày

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

1/6, và đợt hai từ ngày 14/6. Vé 10.000 đồng được mở bán trên website bán vé của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: www.dsvn.vn và các cửa vé để phục vụ hành khách đi trên các đoàn tàu do công ty quản lý. Trong ngày đầu mở bán, rất đông hành khách đến các cửa vé của ngành đường sắt, nhất là tại các ga như ga Hà Nội, Đà Nẵng… với mong muốn mua vé 10.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi tìm đến các ga để mua vé giá 10.000 đồng/vé, rất nhiều hành khách không thể mua được vé với giá này bởi vì khi đến mua vé tại ga được nhân viên thông báo rằng chương trình 8.000 vé 10.000 đồng chỉ áp dụng cho những hành khách may mắn với việc lựa chọn xác suất trên hệ thống bán vé, chỉ khi in thẻ lên tàu thì mới có thể biết được. Thông tin này chỉ được thông báo tới khách hàng khi họ đã đến ga mua vé chứ không được đăng tải và công bố trên thông báo ở trang website của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam.[1]

Trong vụ việc này, nếu như những khách hàng đến mua vé khởi kiện Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam vì cho rằng Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam đã không thực hiện đúng cam kết đã nêu trong thông báo chính thức được đăng tải trên website gửi đến công chúng thì vụ việc này sẽ được giải quyết như thế nào. Theo quan điểm của tác giả, nếu căn cứ theo quy định tại Điều 390 BLDS năm 2005: "*Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định cụ thể*" thì thông báo củaCông ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam không phải là một đề nghị giao kết hợp đồng, vì nó hướng tới công chúng. Tuy nhiên, điểm mới của BLDS năm 2015 đã quy định bên được đề nghị ngoài là bên đã xác định cụ thể thì có thể gửi đến công chúng. Do đó, nếu như khách hàng chứng minh được những đề nghị phía Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam đưa ra là hợp pháp đúng quy định của pháp luật và thông báo này phản ánh được các dấu hiệu chung của đề nghị giao kết hợp đồng, xác nhận đó là một đề nghị giao kết hợp đồng thì Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Việt Nam sẽ phải chịu sự ràng buộc và có trách nhiệm về đề nghị giao kết mà mình đã gửi đến công chúng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

[1] http://laodong.com.vn/kinh-te/tung-8000-ve-tau-gia-10-nghin-dong-hanh-khach-xep-hang-mua-ve-moi-biet-bi-lua-673719.bld, ngày truy cập 10/02/2022.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Như vậy, việc mở rộng phạm vi khái niệm đề nghị giao kết hợp đồng, thừa nhận giá trị pháp lý của đề nghị giao kết hợp đồng khi được gửi đến cho công chúng theo BLDS năm 2015 đã thể hiện sự linh hoạt và hợp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn ở nước ta hiện nay. Đây cũng là xu hướng được nhiều quốc gia thừa nhận. Ở Liên Bang Nga, BLDS hiện hành dành riêng một điều khoản (Điều 437) quy định về đề nghị giao kết hợp đồng công chúng. Còn ở Anh, Pháp, Mỹ thực tiễn án lệ cũng công nhận đề nghị giao kết hợp đồng với công chúng như một trường hợp riêng của đề nghị giao kết hợp đồng thông thường. Tại khoản 2 Điều 2: 201 Bộ Nguyên tắc quốc tế về Luật Hợp đồng Châu Âu (sau đây viết tắt là "PECL") cũng thừa nhận: "*Đề nghị giao kết hợp đồng có thể gửi cho một hoặc nhiều người cụ thể hay công khai cho tất cả mọi người*".

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm như đã trình bày ở trên, quy định khái niệm đề nghị giao kết hợp đồng trong BLDS năm 2015 còn tồn tại một số điểm hạn chế như chưa đưa ra tiêu chí rõ ràng để đánh giá mức độ xác định của một đề nghị giao kết.

Khi so sánh BLDS năm 2015 với các Bộ nguyên tắc Hợp đồng quốc tế, ta thấy có sự khác biệt rất lớn giữa Điều 386 BLDS năm 2015 với Điều 14 của Công ước của Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên 1980) (sau đây gọi tắt là "CISG"), và Điều 2.1.2 của Bộ nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT (sau đây viết tắt là "PICC") năm 2004 trong việc đưa ra tiêu chí để đánh giá mức độ xác định của một đề nghị giao kết hợp đồng.

Khoản 1 Điều 14 của CISG quy định khá chi tiết: "*Một đề nghị ký kết hợp đồng gửi một hay nhiều người xác định được coi là một chào hàng nếu có đủ chính xác và nếu nó chỉ rõ ý chí của người chào hàng muốn tự ràng buộc mình trong trường hợp có sự chấp nhận chào hàng đó. Một đề nghị là đủ chính xác khi nó nêu rõ hàng hóa và ấn định số lượng về giá cả một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc quy định thể thức xác định những yếu tố này*". Khoản 1 Điều 386 BLDS năm 2015 quy định "*Đề nghị giao kết hợp đồng làviệc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng...*". Theo đó, tính xác định của đề nghị giao kết hợp đồng phụ thuộc vào mức độ rõ ràng trong việc diễn đạt ý định của bên đưa ra đề nghị, thông thường, trong hợp đồng mua bán hàng hóa, bên đề nghị thường thể hiện rõ ý định của mình về số lượng, chất lượng và giá cả hàng hóa mà mình muốn mua hoặc muốn bán, nhưng BLDS năm 2015 không có quy định nào tạo cơ sở pháp lý cho việc giải thích ý chí của bên đưa ra đề nghị như cách giải thích nêu trên.

Điều 2.1.2 của PICC quy định: "*Một đề nghị được gọi là đề nghị giao kết hợp đồng nếu nó đủ rõ ràng và thể hiện ý chí của bên đưa ra đề nghị bị ràng buộc khi đề nghị giao*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

kết được chấp nhận". Theo đó, tính xác định của đề nghịphụ thuộc vào tiêu chí "đủ rõ ràng" và theo khoản 2 Điều 4.1 của PICC, tiêu chí đủ rõ ràng có thể "*được giải thích theo*

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cách hiểu của một người bình thường có cùng phẩm chất và ở cùng hoàn cảnh với người tuyên bố và thực hiện hành vi". Như vậy, nếu áp dụng Điều 14 của CISG và Điều 2.1.2 của PICC thì sẽ có cách giải thích thỏa đáng dựa vào hoàn cảnh trong mối quan hệ cụ thể của hai bên.

Do đó, theo quan điểm của tác giả, BLDS năm 2015 cần được hỗ trợ bằng một nguyên tắc nhằm giải thích ý chí của các bên tham gia hợp đồng như giải pháp của PICC, nguyên tắc đó có thể được quy định như nguyên tắc được đưa ra tại Điều 8 của CISG là: "*Tuyên bố cách xử sự khác của một bên được giải thích theo nghĩa mà một người có lý trí, nếu người đó được đặt vào vị trí của bên kia trong những hoàn cảnh tương tự cũng sẽ hiểu như thế"*.

Thứ hai, về các đề nghị thực hiện chấm dứt hợp đồng

BLDS năm 2015 đã bổ sung thêm một trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng tại khoản 1 Điều 391, đó là: "*Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng"*. Sự bổ sung này là hợp lí, bởi lẽ khi bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng thì hợp đồng có thể được hình thành. Lúc này, giữa bên đề nghị và bên được đề nghị đã hình thành chịu ràng buộc đối với quan hệ hợp đồng. Chính vì vậy, việc tồn tại một lời đề nghị không còn ý nghĩa và lời đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt. Tuy nhiên, cũng chính vì sự bổ sung này đã thể hiện sự hạn chế về cách quy định các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng theo cấu trúc như Điều 391 của BLDS năm 2015. Bởi vì, Điều 391 BLDS năm 2015 đã liệt kê các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng, như vậy chỉ các trường hợp được liệt kê mới làm chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng, các trường hợp không được liệt kê sẽ không làm chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Với cách trình bày liệt kê này, luật phải bảo đảm liệt kê đúng và đủ tất cả các trường hợp làm chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Nếu để sót trường hợp nào đó, hậu quả pháp lí dẫn đến là bên đề nghị sẽ vẫn phải chịu sự ràng buộc đối với bên đề nghị đưa ra, dù về mặt thực tiễn, đề nghị đó có thể đã chấm dứt hiệu lực. Vậy việc bổ sung thêm một trường hợp của BLDS năm 2015 đã thật sự đủ các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng hay chưa và cách liệt kê các trường hợp như thế này liệu có phù hợp hay không?

Thực tiễn áp dụng các quy định này ở Việt Nam cho thấy, các trường hợp liệt kê tại Điều 391 chưa thực sự đầy đủ. Có thể lấy ví dụ về trường hợp thay đổi, rút bỏ đề nghị giao kết hợp đồng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 BLDS năm 2015, nếu hiểu theo

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

cách không cần phải thông báo về rút lại, thay đổi đề nghị thì khi đó đề nghị giao kết sẽ chấm dứt tại thời điểm điều kiện về thay đổi, rút lại được nêu trong đề nghị, phát sinh. Thế

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nhưng trường hợp này lại không được liệt kê trong Điều 391. Hay đối với trường hợp đề nghị giao kết hợp đồng không ấn định thời hạn, nếu theo quy định tại Điều 391, đề nghị loại này sẽ không bao giờ chấm dứt hiệu lực, trừ trường hợp nhận được lời từ chối của bên được đề nghị. Trường hợp này cũng không được nêu trong Điều 391 BLDS. Với cách quy định này, các đề nghị không ấn định thời hạn sẽ luôn phát sinh hiệu lực cho đến khi bị từ chối. Đây là điều bất hợp lí. Hoặc trường hợp bên được đề nghị trả lời có khuynh hướng chấp nhận nhưng nêu một số điều kiện sửa đổi, bổ sung vào đề nghị cũ (Điều 392), khi đó, sự chấp nhận có sửa đổi hoặc nêu điều kiện so với đề nghị ban đầu sẽ được coi là đề nghị giao kết hợp đồng mới. Trong trường hợp này, đề nghị ban đầu không còn hiệu lực nhưng cũng không được đề cập trong Điều 391.

Liên hệ với các hệ thống pháp luật khác trên thế giới và các điều ước quốc tế về hợp đồng, đa số các hệ thống pháp luật và các điều ước quốc tế về hợp đồng không có một điều luật nào liệt kê các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng như pháp luật Việt Nam. Những trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết khác là hệ quả pháp lý của những người hợp thay đổi, rút lại, hủy bỏ đề nghị... đều được nằm trong các khoản liên quan đến việc rút lại, thay đổi, hủy bỏ đề nghị giao kết hoặc sửa đổi trả lời có khuynh hướng chấp nhận đề nghị giao kết. Bên cạnh đó, Điều 2.5 PICC quy định về từ chối đề nghị giao kết: "*Đề nghị giao kết bị từ chối khi bên giao kết nhận được sự từ chối của bên đề nghị*". Như vậy, việc từ chối đề nghị là một trong những nguyên nhân chấm dứt một đề nghị. Đề nghị giao kết sẽ chấm dứt hiệu lực khi bên được đề nghị từ chối đề nghị và thời điểm chấm dứt hiệu lực của đề nghị sẽ là thời điểm từ chối đề nghị đến bên đề nghị. Theo đó, một đề nghị có thể bị từ chối bằng việc ghi rõ hoặc ngầm hiểu. Thông thường, việc ngầm hiểu từ chối đề nghị có thể được thể hiện bằng cách gửi lời chấp nhận, nhưng kèm theo những điều kiện, những yêu cầu và những sửa đổi bổ sung khác. Khi các bên không nêu rõ việc từ chối phải được thực hiện bằng văn bản hay bằng hành vi thì bên nhận đề nghị cần giải thích với bên đề nghị rằng họ không có ý định chấp nhận đề nghị này. Việc từ chối đề nghị sẽ làm chấm dứt mọi lời đề nghị, bất kể lời đề nghị đó có được hủy bỏ hay không.

2.1.2. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng

Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng được quy định cụ thể tại Điều 393 đến Điều 397 BLDS năm 2015. BLDS năm 2015 giữ nguyên các quy định của BLDS năm 2005 về khái niệm chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, rút lại thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng. Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 có sự bổ sung, sửa đổi một số quy định về chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng như sau:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ nhất, về hình thức trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Trong quá trình giao kết hợp đồng, ý chí của các bên phải được thể hiện ra bên ngoài dưới một hình thức nhất định, đó có thể là: lời nói, văn bản hoặc hành. Nhưng trong thực tiễn giao kết hợp đồng, đôi khi bên được đề nghị không thể hiện rõ ý chí, quan điểm của mình, hay nói cách khác họ lựa chọn sự im lặng. Sự im lặng không mặc nhiên được coi là giao kết hợp đồng theo nguyên tắc chung mà nó chỉ được coi là một ngoại lệ. BLDS năm 2005 có quy định về vấn đề này nhưng không nêu trong phần chấp nhận giao kết hợp đồng mà quy định trong phần xác định thời điểm hợp đồng được giao kết, theo đó trong trường hợp hai bên có thỏa thuận trước im lặng là chấp nhận đề nghị giao kết thì pháp luật tôn trọng sự thỏa thuận giữa các bên. Khác với BLDS năm 2005, BLDS năm 2015 đã đưa quy định này về phần chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và có sự sửa đổi, bổ sung như sau: "*Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên*" (Khoản 2 Điều 393 BLDS năm 2015). Nếu BLDS năm 2005 chỉ công nhận im lặng là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng trong trường hợp các bên có thỏa thuận thì việc BLDS năm 2015 bổ sung quy định trường hợp chấp nhận hợp đồng theo thói quen đã được xác lập giữa các bên là phù hợp với thực tiễn, bảo đảm được quyền lợi giữa các bên và tương thích với luật pháp quốc tế.

Cũng giống như pháp luật Việt Nam, đa phần pháp luật của các nước đều quy định sự im lặng không được coi là giao kết hợp đồng theo nguyên tắc chung mà nó chỉ được coi là một ngoại lệ.

Pháp luật Singapore cũng yêu cầu sự đồng ý phải được biểu hiện ra bên ngoài bằng các hình thức khác nhau như lời nói, văn bản hoặc hành vi; sự im lặng không được suy đoán là đồng ý, trừ trường hợp đặc biệt.

Khoản 2 Điều 438 BLDS của Nga quy định: "*Im lặng không là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, nếu không có quy định khác từ pháp luật, từ tập quán hoặc từ quan hệ giao dịch trước đây giữa các bên*". Như vậy, pháp luật của Nga cũng quy định sự im lặng không được coi là giao kết hợp đồng theo nguyên tắc chung, mà nó chỉ được coi là một ngoại lệ. Ngoại lệ ở đây bao gồm các trường hợp: do pháp luật có quy định khác, tập quán hoặc thói quen từ quan hệ giao dịch giữa các bên.

Điều 1738 BLDS của Pháp quy định: "*Nếu hợp đồng thuê bằng văn bản hết thời hạn mà bên thuê vẫn tiếp tục và được bên cho thuê cho tiếp tục chiếm giữ tài sản thì hợp*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

đồng thuê mới được hình thành và có hiệu lực theo quy định về hợp đồng thuê không lập thành văn bản". Như vậy, BLDS của Pháp thừa nhận trường hợp ngoại lệ im lặng là đồng ý khi sự im lặng mang lại lợi ích cho chính bên nhận được đề nghị.

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Quy định tại CISG và PICC đều không thừa nhận sự im lặng của bên được đề nghị cấu thành một chấp nhận đề nghị. Tuy nhiên, cả hai văn bản trên đều đưa ra các ngoại lệ trong trường hợp bên được đề nghị im lặng nhưng vẫn cấu thành một chấp nhận đề nghị, đó là: i) tập quán mà các bên đã thỏa thuận, hoặc ii) thói quen do họ thiết lập trong mối quan hệ tương hỗ đã quy định rõ về điều này thì sự im lặng hoặc không hành động của bên được chào hàng mới được coi là chấp thuận. Trong đó, tập quán là những quy tắc xử sự phổ biến được thừa nhận và áp dụng rộng rãi ở một khu vực địa lý nhất định (tập quán địa phương, tập quán quốc gia, hoặc trên phạm vi toàn cầu).

Ví dụ: vùng Bordeaux của Pháp tồn tại tập quán là khi người môi giới rượu vang gửi cho bị đơn và nguyên đơn một bức thư ghi lại những thương lượng của các bên thì việc các bên sau khi nhận thư mà không có phản đối trong vòng 48 tiếng được coi như chấp nhận hợp đồng.[2]

Tuy nhiên, cũng có sự không tương đồng giữa pháp luật Dân sự Việt Nam và pháp luật quốc tế khi mà pháp luật dân sự Việt Nam không bổ sung trường hợp ngoại lệ của chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng bằng im lặng theo tập quán hoặc do pháp luật quy định như quy định của pháp luật quốc tế. Theo quan điểm của tác

giả, BLDS năm 2015 nên có sự bổ sung hai trường hợp ngoại lệ này vào Điều 393, không chỉ để tương thích với pháp luật quốc tế mà còn vì những lý do sau đây:

Mặc dù trường hợp im lặng chấp nhận giao kết hợp đồng do pháp luật quy định không được thừa nhận trong Điều 393 BLDS năm 2015 nhưng trong một số quy định khác, có nhiều trường hợp sự im lặng được quy định là chấp nhận giao kết hợp đồng. Ví dụ: quy định về trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản sau khi dùng thử tại Điều 352 BLDS năm 2015, theo đó: "*...Trong thời hạn dùng thử, bên mua có thể trả lời mua hoặc không mua; nếu hết thời hạn dùng thử mà bên mua không trả lời thì coi như đã chấp nhận mua theo các điều kiện đã thỏa thuận trước khi nhận vật dùng thử*". Ngoài ra,trong trường hợp pháp luật có quy định một bên có nghĩa vụ phải phát biểu ý chí về việc từ chối giao dịch, nhưng người có nghĩa vụ đã không hành động như vậy thì được suy đoán là đồng ý. Ví dụ: khi người đại diện xác lập giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, nhưng người được đại diện "*biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý*" thì phần giao dịch được xác lập vượt quá phạm vi đại diện đó vẫn có hiệu lực đối với người được đại diện (khoản 1 Điều BLDS năm 2015).

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

[2]G. Rouhette (Chủ biên, 2003), *Bộ Nguyên tắc Châu Âu về hợp đồng,* Nxb. Société de legislation comparée, tr.132 đươc trích trong tài liệu: "Đỗ Văn Đại (2013), *Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án*

– *tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 134".

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Đối với trường hợp sự im lặng theo tập quán như quy định của pháp luật quốc tế, BLDS năm 2015 mặc dù không quy định trong Điều 393 nhưng nếu các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định nhưng có tập quán để giải quyết thì theo nguyên tắc cơ bản của BLDS năm 2015 thì vẫn được thừa nhận. Theo quan điểm của tác giả, bởi vì suy cho cùng thì tập quán cũng được áp dụng theo nguyên tắc chung, do đó nên chăng BLDS năm 2015 cũng bổ sung quy định im lặng là đồng ý theo tập quán tại Khoản 2 Điều 393 để tránh việc hiểu lầm.

Về hình thức trả lời chấp nhận bằng hành vi cụ thể, BLDS năm 2015 thừa nhận hình thức chấp nhận bằng hành vi nhưng không quy định cụ thể trong trường hợp bên được đề nghị biểu thị sự chấp nhận đối với đề nghị bằng hành vi cụ thể nhưng không thông báo cho bên đề nghị biết về việc mình đã thực hiện hành vi đó.

Liên quan đến vấn đề này, cả CISG và PICC đều quy định khá rõ ràng, cụ thể. Theo Điều 18 của CISG: "*1. Một lời tuyên bố hay một hành vi khác của người được chào hàng biểu lộ sự đồng ý với chào hàng cấu thành chấp nhận chào hàng…; 2. Chấp nhận chào hàng có hiệu lực từ khi người chào hàng nhận được chấp nhận...*". Điều 2.1.6 PICC quy định: "*1. Chấp nhận giao kết hợp đồng có thể là một tuyên bố hoặc cách xử sự khác của bên được đề nghị cho thấy họ chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng....; 2. Việc chấp nhận*

một đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực khi dấu hiệu của việc chấp nhận giao kết hợp đồng đến bên đề nghị". Như vậy, cả CISG và PICC đều đưa ra nguyên tắc chung cho việc chấp nhận bằng hành vi, đó là việc biểu thị sự chấp nhận bằng hành vi phải được thông báo cho bên đề nghị. Tuy nhiên, cần lưu ý là việc thông báo đặc biệt như vậy chỉ cần thiết trong trường hợp bản thân hành vi không tạo thành một thông báo chấp nhận đề nghị giao kết với bên đề nghị trong một thời hạn hợp lý, ví dụ: sự phát hành thư tín dụng, ký chứng từ gửi tới thể chế tài chính cùng với yêu cầu họ thanh toán cho việc mua bán. Một ngoại lệ cho nguyên tắc chung được quy định tại Khoản 3 Điều 18 của CISG là: "…, *nếu do hiệu lực của chào hàng hoặc do thực tiễn đã có giữa hai bên trong mối quan hệ tương hỗ hoặc tập quán thì người được chào hàng có thể chứng tỏ sự chấp thuận của mình bằng cách làm một hành vi nào đó như hành vi liên quan đến việc gửi hàng hay trả tiền chẳng hạn dù họ không thông báo cho người chào hàng thì chấp nhận chào hàng chỉ có hiệu lực từ khi những hành vi đó được thực hiện với điều kiện là những hành vi đó phải được thực hiện trong thời hạn đã quy định tại điểm trên"*. Hay như quyđịnh tại Khoản 2 Điều 2.1.6 của PICC: "*Tuy nhiên, nếu*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

theo đề nghị giao kết hợp đồng, các thói quen đã được xác lập giữa các bên hoặc theo tập quán, bên được đề nghị có thể chỉ ra là mình đã chấp nhận

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

giao kết hợp đồng bằng việc thực hiện một hành vi mà không cần thông báo cho bên đề nghị biết, việc chấp nhận có hiệu lực khi hành vi đó được hoàn thành".

Thứ hai, về thời hạn trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng.

BLDS năm 2005 chỉ quy định thời hạn trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong trường hợp bên đề nghị có ấn định thời hạn trả lời đề nghị giao kết gửi cho bên được đề nghị, tuy nhiên BLDS năm 2005 lại không quy định về trường hợp nếu bên đề nghị không ấn định cụ thể thời hạn trả lời trong lời đề nghị thì thời hạn trả lời chấp nhận giao kết được xác định thế nào. Để khắc phục thiếu sót của BLDS năm 2005, BLDS năm 2015 đã bổ sung theo hướng: "*Khi bên đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện trong một thời hạn hợp lý*". Tuy nhiên, BLDS năm 2015 không có quy định và chưa có văn bản nào hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn về cách xác định thế nào là thời gian hợp lý. Trong khi đó, về vấn đề này, pháp luật quốc tế quy định khá cụ thể.

Pháp luật Hoa Kỳ quy định chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có thể được thể hiện bằng ngôn ngữ (nói, viết) hoặc bằng hành vi. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phải được thông tin đến người đề nghị. Nếu trong đề nghị giao kết hợp đồng, phương thức chuyển tải thông tin về chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng được xác định rõ hoặc mặc nhiên suy đoán, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm được gửi đi nếu người được đề nghị gửi chấp nhận bằng phương thức nêu trên và hợp đồng được xác lập kể từ thời điểm này. Nếu trong đề nghị giao kết hợp đồng không nêu rõ ràng hoặc ám chỉ về phương thức gửi chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, thì chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có thể được gửi bằng phương thức hợp lý.

Về thời hạn chấp nhận đề nghị, Khoản 2 của Điều 18 CISG quy định: *"Chấp nhận chào hàng có hiệu lực từ khi người chào hàng nhận được chấp nhận. Chấp thuận chào hàng không phát sinh hiệu lực nếu sự chấp nhận ấy không được gửi tới người chào hàng trong thời hạn mà người này đã quy định trong chào hàng, hoặc nếu thời hạn đó không được quy định như vậy, thì trong một thời hạn hợp lý, xét theo các tình tiết của sự giao dịch, trong đó có xét đến tốc độ của các phương tiện liên lạc do người chào hàng sử dụng. Một chào hàng bằng miệng phải được chấp nhận ngay trừ phi các tình tiết bắt buộc ngược lại"*. Điều 2.7 PICC thì theo đó có sự phân biệt giữa đề nghị bằng lời nói và bằng văn bản. Đề nghị bằng lời

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nói cần phải được chấp nhận ngay lập tức khi hoàn cảnh có những yêu cầu khác. Đối với đề nghị bằng văn bản, điều này hoàn toàn tùy thuộc vào việc đề nghị đó

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

có ấn định một thời hạn cho việc chấp nhận hay không, nếu có, đề nghị cần được chấp nhận trong thời hạn đó, nếu không thì sự chấp nhận phải được truyền đạt đến bên đề nghị trong một thời hạn hợp lý tùy từng trường hợp, có xét đến tốc độ thông tin giao dịch mà bên đề nghị dùng.

Thứ ba, quy định về chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng trong các trường hợp bên đề nghị hoặc bên được đề nghị giao kết hợp đồng chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Trường hợp bên đề nghị giao kết hợp đồng chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được quy định cụ thể tại Điều 395 BLDS năm 2015 và trường hợp bên được đề nghị giao kết hợp đồng chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được quy định tại Điều 396 BLDS năm 2015. So sánh với BLDS năm 2005, thì BLDS năm 2015 bổ sung thêm trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Cụ thể: thời điểm bên đề nghị bị Tòa án tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi sau khi bên được đề nghị trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng vẫn có giá trị; tương tự trong trường hợp bên được đề nghị đã chấp nhận giao kết hợp đồng nhưng sau đó có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì việc trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng vẫn có giá trị. Sự bổ sung này là phù hợp và thống nhất với các quy định khác trong BLDS năm 2015 vì BLDS năm 2015 cũng bổ sung thêm trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi tại Điều 23.

Trước đây, BLDS năm 2005 đã bỏ sót quy định loại trừ các trường hợp đề nghị hay chấp nhận đề nghị gắn liền với nhân thân người đề nghị hay người được đề nghị. Nay BLDS năm 2015 đã bổ sung và ghi nhận trường hợp này tại Điều 395 và Điều 396. Sự bổ sung này là hoàn toàn cần thiết và phù hợp vì những lời đề nghị giao kết mà nội dung giao kết gắn liền với nhân thân của bên được đề nghị (hoặc bên được đề nghị) thì chỉ có người đó mới có khả năng giao kết và thực hiện hợp đồng mà thôi.

Ví dụ: Nhà sản xuất phim A gửi lời đề nghị giao kết hợp đồng đến nam diễn viên nổi tiếng P.W với nội dung mời P.W là diễn viên chính trong một bộ phim với thù lao 30 triệu USD. Diễn viên P.W trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng nhưng khi chưa thực hiện

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

hợp đồng thì P.W bất ngờ bị tai nạn ô tô và qua đời. Như vậy, ở đây đã xuất hiện trường hợp nội dung hợp đồng gắn liền với nhân thân của bên được đề nghị và về bản chất thì việc

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng này không thể có giá trị được. Dù bên đề nghị có nhận được trả lời chấp nhận đề nghị thì hợp đồng cũng không thể được coi là đã giao kết, bởi vì cho đến cùng thì không thể thực hiện được nghĩa vụ trong hợp đồng.

2.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng

Thời điểm giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 400 BLDS năm 2015. Theo đó, so với quy định tại Điều 404 BLDS năm 2005, quy định tại BLDS năm 2015 đã chỉ rõ thời điểm giao kết hợp đồng trong trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong một thời hạn nhất định và quy định cụ thể hơn về thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản.

Tuy nhiên, quy định về thời điểm giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Việt Nam hiện vẫn còn nhiều bất cập, mâu thuẫn liên quan đến việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng, gây ra nhiều khó khăn cho các bên liên quan trong việc áp dụng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc chung khi xác định thời điểm giao kết hợp đồng. Căn cứ Điều 400 BLDS năm 2015, bên cạnh việc xác định thời điểm

giao kết hợp đồng dựa trên thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết còn xác định thời điểm đó dựa trên hình thức giao kết hợp đồng. Tuy nhiên trong thực tiễn, không phải lúc nào các bên cũng chỉ sử dụng một hình thức duy nhất để giao kết hợp đồng. Mặt khác, pháp luật cũng không cấm và cũng không có quy định nào bắt buộc các bên phải giao kết hợp đồng bằng một hình thức duy nhất. Các bên có thể thực hiện việc giao kết hợp đồng, đề nghị và trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng bằng một hoặc bằng nhiều hình thức khác nhau.

Thứ hai, mâu thuẫn trong cách xác định thời điểm giao kết hợp đồng theo Khoản 1 Điều 400 BLDS năm 2015 và Khoản 4 Điều 400 BLDS năm 2015.

BLDS năm 2015 xác định các quy tắc riêng cho thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói và thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản theo quy định tại Điều 400 BLDS năm 2015 là chưa phù hợp. Cụ thể, khoản 3 Điều 400 BLDS năm 2015 xác định thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận xong về nội dung của hợp đồng. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 400 BLDS năm 2015 chưa chỉ rõ đâu là thời điểm các bên đã thỏa thuận xong về nội dung của hợp đồng. Nếu vận dụng cơ chế đề nghị giao kết hợp đồng – chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng trong trường hợp này thì có thể hiểu một cách hợp lý rằng thời điểm các bên thỏa thuận về nội dung của hợp đồng là thời điểm bên đề nghị

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

giao kết hợp đồng nhận được trả lời chấp nhận giao kết. Chẳng hạn, A chào bán cho B một chiếc điện thoại A không dùng với giá 5 triệu đồng, B trả lời chấp nhận mức giá A đưa ra. Các bên được xem là thỏa thuận xong hợp đồng vào thời điểm A nhận

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

được trả lời chấp nhận của B. Như vậy, có thể sử dụng khoản 1 Điều 400 để xác định thời điểm giao kết hợp đồng đối với các hợp đồng được xác lập bằng lời nói và không cần phân biệt trường hợp riêng theo quy định tại Khoản 3 Điều 400 BLDS năm 2015.

Khoản 4 Điều 400 BLDS năm 2015 quy định thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản. Tuy nhiên trong thực tiễn cho thấy rằng thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản không phải lúc nào cũng đồng nhất với thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết. Sau đây là một ví dụ tranh chấp điển hình có liên quan đến vấn đề này.

2.2. Thực trạng pháp luật về thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Thực hiện hợp đồng được quy định từ Điều 409 đến Điều 420 BLDS năm 2015. Nhìn chung, các quy định về thực hiện hợp đồng đơn vụ, thực hiện hợp đồng song vụ, thực hiện hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba... đều được giữ nguyên như quy định tại BLDS năm 2005. BLDS năm 2015 có sửa đổi một số quy định về thực hiện hợp đồng cụ thể: quy định bao quát hơn về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ tại Điều 411 BLDS năm 2015 khi ghi nhận "*khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã giảm sút nghiêm trọng*" thay cho "*tài sản của bên kia bị giảm sút nghiêm trọng*", thựcsự công nhận cầm giữ tài sản là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bổ sung thêm về mức phạt

vi phạm trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác hạn chế mức phạt thì các bên phải tuân theo quy định của pháp luật liên quan (khoản 2 Điều 418 BLDS năm 2015). Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 bổ sung các quy định mới về thực hiện hợp đồng như sau: quy định về thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng và thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

2.2.1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng

Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 419, Điều 13 và Điều 360 của BLDS năm 2015. Theo đó, tại Khoản 2 Điều 419 BLDS năm 2015 quy định: *"Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại"*. Trước đây, BLDS năm 2005 chỉ quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi nghiên cứu về trách nhiệm dân sự nói chung do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Cũng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

vẫn liên quan đến nội dung này, khoản 3 Điều 419 bổ sung quy định về việc bồi thường thiệt hại những tổn thất tinh thần cho người bị thiệt hại như sau: *"Theo*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc". Như vậy, đối với thiệt hại của người có quyền có thể bao gồmthiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần. Việc xác định thiệt hại vật chất có thể dựa trên những căn cứ mà bên bị thiệt hại đưa ra. Việc xác định bồi thường thiệt hại về tinh thần, Tòa quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc, tuy nhiên điều này vẫn mang tính chủ quan bởi một tổn thất về tinh thần có thể có những mức bồi thường khác nhau.

Có thể thấy quy định tại Điều 419 của BLDS năm 2015 phù hợp với đòi hỏi thực tiễn mà BLDS năm 2005 chưa làm được, giúp bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp mà bên bị thiệt hại trong quan hệ hợp đồng phải gánh chịu, đồng thời phù hợp với các quy định trong pháp luật quốc tế.

Pháp luật quốc tế cũng quy định cụ thể về các khoản bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

Điều 7.4.2 PICC về mua bán hàng hóa quốc tế quy định: "*Bên bị thiệt hại có quyền đòi bên kia bồi thường toàn bộ những tổn thất gây ra do việc không thực hiện hợp đồng. Những tổn thất này bao gồm những tổn thất phải gánh chịu và những lợi ích đáng lẽ phải có từ việc thực hiện hợp đồng, có tính đến những chi phí tổn thất mà bên vi phạm tránh được"*.

Điều 74 CISG cũng quy định: *"Tiền bồi thường thiệt hại xảy ra do một bên vi phạm hợp đồng là một khoản tiền bao gồm tổn thất và khoản lợi bị bỏ lỡ mà bên kia đã phải chịu do hậu quả của sự vi phạm hợp đồng. Tiền bồi thường thiệt hại này không thể cao hơn tổn thất và số lợi bỏ lỡ mà bên bị vi phạm đã dự liệu hoặc đáng lẽ phải dự liệu được vào lúc ký kết hợp đồng như một hậu quả có thể xảy ra do vi phạm hợp đồng, có tính đến các tình tiết mà họ đã biết hoặc đáng lẽ phải biết"*.

Như vậy, pháp luật quốc tế quy định khá cụ thể về các khoản bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. BLDS năm 2015 mặc dù đã có quy định nhưng với cách quy định chung chung như hiện nay thì khi áp dụng trên thực tiễn sẽ gặp những khó khăn. Ví dụ như: việc xác định các lợi ích mà lẽ ra bên có quyền sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại sẽ như thế nào? Liệu chỉ bồi thường những thiệt hại thực tế hay bồi thường cả những thiệt hại suy đoán? Pháp luật cần làm rõ tính lường trước của khoản lợi chứ không phải mọi khoản lợi đều được bồi thường. Và theo tác giả, mốc xác định trong trường hợp này nên là thời điểm khi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

các bên giao kết hợp đồng, tránh trường hợp khi biết bên kia không thể thực hiện hợp đồng, bên có quyền tiến hành giao kết một loạt các hợp đồng giả tạo nhằm tối đa hóa thiệt

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hại được bồi thường. Kiến nghị này theo tác giả là một biện pháp nhằm bảo vệ sự thiện chí, trung thực.

2.2.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 420 BLDS năm 2015 được quy định rất cụ thể về việc xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản, quy định các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, xác định trách nhiệm của Tòa án và vấn đề thực hiện hợp đồng trong thời gian hai bên tiến hành đàm phán, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng. Theo đó, không phải trường hợp nào hoàn cảnh thay đổi thì các bên cũng có thể thay đổi hợp đồng, sự thay đổi của hoàn cảnh phải thỏa mãn đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 420 BLDS 2015, đó là: (i) Sự thay đổi phải do nguyên nhân khách quan và xảy ra sau khi hợp đồng được giao kết; (ii) Các bên không nhìn thấy trước được việc hoàn cảnh sẽ thay đổi tại thời điểm giao kết; (iii) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (iv) Nếu như không điều chỉnh hợp đồng mà các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng sẽ gây thiệt hại cho một bên; (v) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Khi đã xác định được hoàn cảnh thay đổi cơ bản, điều luật đưa ra quy định về hành xử của các bên liên quan tại khoản 2 và khoản 3 Điều 420 BLDS năm 2015 như sau:

Với việc quy định ưu tiên đầu tiên trong hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thỏa thuận của hai bên, khoản 2 Điều 420 đã bảo đảm nguyên tắc tôn trọng tự do ý chí, tự do thỏa thuận vốn là bản chất của hợp đồng. Đương nhiên, ngay cả khi luật không quy định thì giải pháp đầu tiên của bên có lợi ích bị ảnh hưởng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản cũng là đề nghị bên còn lại điều chỉnh các điều khoản nhất định của hợp đồng, nhưng việc ghi nhận rõ ràng quyền này tại Điều 420 chính là sự khẳng định sự tự do ý chí của các bên, qua đó duy trì tính hợp lý trong việc can thiệp của pháp luật, tòa án vào quan hệ dân sự.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền tự do này không bị lạm dụng, tránh trường hợp để kéo dài thời gian sẽ dẫn đến thiệt hại ngày càng lớn, đã được giới hạn "trong một thời hạn hợp lý". Khi việc tự do thỏa thuận của các bên theo khoản 2 không đạt kết quả, Tòa án bắt đầu thực hiện vai trò của mình. Sự tham gia của Tòa án như quy định tại khoản 3 xuất phát từ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

yêu cầu của một trong các bên trong quan hệ hợp đồng chứ không phải bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tòa án có thể theo yêu cầu chấm dứt hợp đồng hoặc sửa đổi hợp đồng, cụ thể:

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Tòa án có thể chấm dứt hợp đồng khi: một trong các bên yêu cầu; và chấm dứt tại một thời điểm xác định – nghĩa là các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ với nhau theo hợp đồng cho đến thời điểm xác định đó, phân biệt với hủy bỏ hợp đồng là khi mọi quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đều không có giá trị;

- Tòa án có thể sửa đổi hợp đồng khi: một trong các bên yêu cầu; việc sửa đổi phải đạt mục đích cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản; và chỉ khi chi phí thực hiện hợp đồng khi sửa đổi nhỏ hơn thiệt hại gây ra do chấm dứt hợp đồng.

Điều 420 BLDS năm 2015 cũng quy định cụ thể về vấn đề thực hiện hợp đồng trong thời gian các bên tiến hành đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng hoặc trong thời gian Tòa án giải quyết vụ việc, đó là *"các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Với quy định này, dù hoàn cảnh thay đổi cơ bản và đang tiến hành thỏa thuận lại hay đang trong quá trình giải quyết tại Tòa án, các bên cũng không đương nhiên có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng. Dù chịu thiệt hại nghiêm trọng, bên chịu thiệt hại vẫn có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng. Việc tạm dừng thực hiện chỉ được cho phép khi được hai bên thỏa thuận. Quy định này, một mặt đảm bảo sự tôn trọng thỏa thuận của các bên và các quy định hợp đồng, nhưng mặt khác chứa đựng rủi ro trong việc bảo vệ quyền lợi của bên chịu thiệt hại nếu thời gian đàm phán giữa các bên hoặc thời gian giải quyết của
Tòa án kéo dài.

Thực tiễn pháp lý ở Việt Nam từng phát sinh nhiều vụ tranh chấp có liên quan tới yêu cầu cần áp dụng điều khoản điều chỉnh nội dung hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi. Nhưng do trước đó BLDS năm 2005 chưa quy định về điều khoản này, nên đã gây nhiều khó khăn cho các bên liên quan trong việc giải quyết tranh chấp. Sau đây là một ví dụ về tranh chấp có liên quan đến việc thay đổi hoàn cảnh ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng và đã làm cho các bên liên quan, các nhà tư vấn và tòa án trở nên lúng túng:

- **Tóm tắt vụ việc:** Vụ việc tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Dệt may HP và Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng thương mại TL. Ngày 18/11/2006, Công ty Cổ phần Dệt may HP (sau đây gọi tắt là "Công ty HP") có trụ sở chính tại Hải Phòng và Công ty Cổ

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

phần tư vấn Xây dựng Thương mại TL (sau đây gọi tắt là "Công ty TL") có trụ sở chính tại Hà Nội đã ký hợp đồng kinh tế số 294/HĐKT.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nội dung chính của hợp đồng là Công ty TL nhận san lấp mặt bằng, hàng rào, kè; thi công đường giao thông nội bộ, đường cấp nước, đường thoát nước, trạm điện nội bộ, cây xanh; xây dựng nhà máy của Công ty HP tại xã Tam Quan, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đồng thời cung cấp toàn bộ vật liệu để xây dựng các công trình trên. Công trình phải được thi công theo đúng yêu cầu thiết kế đã được phê duyệt của chủ đầu tư. Giá trị hợp đồng là 40 tỷ đồng. Công ty TL căn cứ vào thiết kế được duyệt và các văn bản của Nhà nước, của tỉnh Thái Bình và lãi suất của Ngân hàng Thương mại tại thời điểm thi công để lập đơn giá dự toán và được chủ đầu tư phê duyệt để làm căn cứ thanh toán cho Công ty TL trong từng giai đoạn thi công, giá trị cụ thể được thể hiện trong phụ lục hợp đồng của từng giai đoạn thi công. Công ty TL ứng vốn để thi công cho từng giai đoạn và sẽ được Công ty HP thanh toán trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày thi công xong của giai đoạn đó.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi san lấp mặt bằng, làm hàng rào, kè; thi công đường giao thông nội bộ, đường cấp nước, đường thoát nước, trạm điện nội bộ và một phần nhà máy thì giá trị các loại vật liệu xây dựng đều tăng từ 5% - 10%, riêng thép tăng khoảng 18%. Vì vậy, năm 2008, Công ty TL đề nghị tăng giá bán các loại vật liệu xây dựng đối với những phần chưa thi công nhưng Công ty HP không đồng ý.

Hai bên xảy ra tranh chấp nên đến năm 2009 đã khởi kiện đến Toà án để giải quyết. Công ty TL đề nghị tăng giá vật liệu xây dựng theo giá thị trường vì giá cả có biến động lớn, việc tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thoả thuận cũ sẽ làm cho Công ty TL bị thiệt hại nặng nề. Hơn nữa, Công ty TL phải ứng vốn để xây dựng, giá cả tăng nhiều như vậy gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty; nếu Công ty HP không đồng ý tăng giá thì đề nghị Toà án tuyên bố chấm dứt hợp đồng. Công ty HP không đồng ý với đề nghị của Công ty TL, đề nghị Toà án buộc Công ty TL tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên.

Tại phiên xử sơ thẩm, đại diện Công ty TL cho biết họ không có ý không thực hiện hợp đồng nhưng do hoàn cảnh thực tế thay đổi ngoài dự tính nên công ty sẽ bị lỗ nặng nếu cứ tiếp tục thực hiện theo hợp đồng ký.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các bên, Toà án nhận định thoả thuận trong hợp đồng là hợp pháp, việc tăng giá hàng hoá là việc có thể dự đoán được trước và giá thị trường tăng như vậy cũng không phải là biến động quá lớn. Vì vậy, Toà án sơ thẩm tuyên bố các bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng .[3]

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- **Nhận xét, đánh giá:** Những tranh chấp xảy ra liên quan đến vấn đề thay đổi hoàn cảnh làm cho việc thực hiện hợp đồng gặp khó khăn trở ngại như vụ việc trên không phải là vấn đề pháp lý hiếm gặp trên thực tế. Trong vụ việc này, hai bên tranh chấp về khoản tiền và chi phí tăng thêm so với cam kết ban đầu trong hợp đồng, việc tăng giá hàng hoá

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

mà các bên không lường trước được. Tại thời điểm diễn ra vụ việc, theo quy định của BLDS năm 2005, vì trường hợp này không phải là "sự kiện bất khả kháng" hay "trở ngại khách quan" nên các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nếu như không đạt được sự thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc Công ty TL phải thực hiện tiếp tục hợp đồng theo thoả thuận cũ sẽ làm cho Công ty TL bị thiệt hại nặng nề.

Vụ việc trên nếu được giải quyết căn cứ theo Điều 420 BLDS năm 2015, phía Công ty TL có thể yêu cầu đàm phán lại hợp đồng nếu như chứng minh được trường hợp này là hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Theo đó, phía Công ty TL phải chứng minh trường hợp hoàn cảnh này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

Một là, sự thay đổi về giá trị các loại vật liệu xây dựng là hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng. Đó là do biến động đột biến của thị trường nên trong quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi san lấp mặt bằng, làm hàng rào, kè; thi công đường giao thông nội bộ, đường cấp nước, đường thoát nước, trạm điện nội bộ và một phần nhà máy thì giá trị các loại vật liệu xây dựng đều tăng từ 5% - 10%, riêng thép tăng khoảng 18%.

Hai là, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh. Việc biến động giá cả trong kinh doanh là rất phổ biến trong các hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, nếu vì một lý do nào đó mà giá cả thị trường có sự biến động mạnh mẽ, các bên không thể lường trước được giá cả có thể bị đẩy lên cao như vậy, ví dụ như trong trường hợp này giá thép đã bị đẩy tăng đến 18%. Để chứng minh việc các bên không thể lường trước được về sự tăng giá cả đột biến này, phía Công ty TL cần đưa ra những chứng cứ chứng minh về việc mình không thể lường trước được, hoặc đưa ra những sự kiện, dữ liệu mà mọi người đều biết và công nhận về việc đó.

Ba là, hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác. Để chứng minh điều kiện này, phía Công ty TL có thể đưa ra những hợp đồng ký kết vào thời điểm tương tự, để chứng minh với giá cả và chi phí như vậy, Công ty TL sẽ không thể chấp nhận ký kết hợp đồng

Bốn là, việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên. Công ty TL phải liệt kê những khoản thiệt hại, những căn cứ chứng minh về việc tiếp tục hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho phía Công ty.

---

[3]Tòa án Nhân dân Tối cao Việt Nam (2010), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Dân sự năm 2009, Kinh doanh thương mại, Lao động, Hành chính năm 2007 – 2009 (Quyển II)*, Hà Nội, tr. 414

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Năm là, Phía Công ty TL phải có những chứng cứ, lập luận để chứng minh rằng phía Công ty đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù

hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Trong trường hợp, Công ty TL đủ các căn cứ để chứng minh hoàn cảnh khó khăn trong thực hiện hợp đồng là hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì phía Công ty TL có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lí. Trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lí, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án để giải quyết vấn đề này. Và khi giải quyết trong trường hợp này, căn cứ theo Điều 420 BLDS năm 2015, Tòa án sẽ cân nhắc nếu xem xét trường hợp này là

trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, Tòa án có thể yêu cầu các bên chấm dứt hoặc sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Như vậy, có thể thấy quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản đảm bảo được lợi ích của các bên chủ thể, nhất là bên bất lợi trong quan hệ hợp đồng. Bởi vì như chúng ta đã biết thì quan hệ hợp đồng không phải là bất biến mà "mang tính chất của một quá trình" và "hàm chứa nhiều rủi ro". Chính vì lẽ đó, điều khoản về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi nhằm giúp các bên cùng giải quyết sự thay đổi của hoàn cảnh để đảm bảo lợi ích của các bên. Hợp đồng dựa trên sự thỏa thuận, thống nhất ý chí của các bên và nền tảng của mọi hợp đồng chính là sự cân bằng lợi ích của các chủ thể tham gia hợp đồng đó. Nhưng có những trường hợp sự cân bằng trên bị phá vỡ. Khi có những thay đổi xảy ra như có biến động về giá cả thị trường, tác động về kinh tế, xã hội, kỹ thuật, con người... dẫn đến việc một bên gặp khó khăn đặc biệt trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình thậm chí không thể thực hiện được nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc có thể phá sản thì không bên nào muốn chịu thiệt hại và vì thế họ tiến hành điều chỉnh hợp đồng. Vẫn có khả năng hợp đồng bị hủy bỏ nhưng việc điều chỉnh có nhiều ưu điểm như không cần tốn thêm chi phí để thỏa thuận lại hợp đồng mới, các bên trong quan hệ hợp đồng vẫn đạt được những lợi ích của việc giao kết và không mất đi các mối quan hệ trong làm ăn kinh doanh.

Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là quy định tương thích với xu hướng chung của thế giới. Việc bổ sung quy định thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

cơ bản tại Điều 420 BLDS năm 2015 không chỉ bảo đảm thực hiện được quyền, lợi ích của các doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện hợp đồng trong nước và quốc tế, mà còn

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

giúp nhà đầu tư nước ngoài không cảm thấy bị phiền toái, cũng không lợi dụng kẽ hở trong pháp luật Việt Nam.

Bên cạnh những ưu điểm của Điều 420 BLDS năm 2015 thì khi áp dụng trong thực tiễn, quy định này cũng đặt ra một số vấn đề pháp lý và tồn tại nhiều quan điểm khi áp dụng như sau:

Một là, theo điểm c khoản 1 Điều 420 BLDS năm 2015, một trong năm điều cơ bản là "*hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác*". Quy định này cần được hướngdẫn cụ thể, bởi đây là điều kiện trọng tâm để xác định sự thay đổi cơ bản của hoàn cảnh. Tiếp cận từ góc độ so sánh, bình luận chính thức của PICC năm 1994 cho rằng:"*nếu việc thực hiện nghĩa vụ có thể quy đổi ra tiền, chi phí thực hiện nghĩa vụ hoặc giá trị của nghĩa vụ thay đổi từ 50% trở lên có thể được xem là thay đổi cơ bản*". Tuy nhiên, nhận định trên không được các học giả ủng hộ, bởi vì họ cho rằng con số 50% được đưa ra là quá thấp và có phần tùy tiện. Thực tiễn tài phán tại nhiều quốc gia cũng thể hiện rằng sự thay đổi hoàn cảnh phải rất lớn mới được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Hai là, khoản 3 Điều 420 BLDS năm 2015 quy định, trường hợp các bên không thể thỏa thuận về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý thì một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, "*Tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi*". Các khái niệm "thiệt hại" và "các chi phí để thực hiện hợp đồng" trong điều luật này cần được làm rõ. Cụ thể, thiệt hại mà việc chấm dứt hợp đồng gây ra cho bên nào sẽ được sử dụng để so sánh với các chi phí để thực hiện hợp đồng? Thậm chí là có tính toán đến chi phí, lợi ích của người thứ ba hay không?

Ba là, đối với quy định tại Khoản 3 Điều 420 BLDS năm 2015 cũng tồn tại nhiều quan điểm tranh cãi liên quan đến thẩm quyền của Tòa án. Có quan điểm cho rằng cách giải quyết của BLDS năm 2015 chưa phù hợp với nguyên tắc bảo tồn hiệu lực của hợp đồng (*favor contractus*). Bởi vì, Tòa án cần ưu tiên việc duy trì hiệu lực của hợp đồng bằng cách sửa đổi hợp đồng và chỉ khi nào việc sửa đổi hợp đồng không thể thực hiện được hoặc bất hợp lý cho bên còn lại thì Tòa án mới chấm dứt hợp đồng. Tiếp cận từ góc độ so sánh, mặc dù Điều 6.2.3 PICC năm 2010 cũng ghi nhận hai biện pháp là chấm dứt hợp đồng và sửa đổi hợp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

đồng mà không nêu rõ thứ tự ưu tiên, tuy nhiên, các học giả khi bình luận PICC năm 2010 đều cho rằng trong chừng mực hợp lý, biện pháp sửa đổi hợp đồng cần

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

được ưu tiên hơn. Quan điểm ngược lại thì cho rằng việc cho Tòa án có quyền điều chỉnh, sửa đổi hợp đồng khi hoàn cảnh

thay đổi không phù hợp với bản chất của hợp đồng là tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên. Trên thế giới, cũng có một số nước theo quan điểm này, ví dụ như Tòa án Anh cũng không có quyền sửa đổi hợp đồng giữa các bên mà chỉ có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng. Theo quan điểm của tác giả, việc lựa chọn theo quan điểm nào và tiếp thu các quy định của pháp luật các nước thì cần tính đến yếu tố tổng thể và tính có hệ thống của chế định hợp đồng. Thiết nghĩ, quy định như hiện tại của BLDS năm 2015 là hợp lý, bởi Điều 420 có những quy định chặt chẽ về căn cứ, điều kiện, trình tự (các bước) của việc điều chỉnh hợp đồng. Điều 420 cho phép bên có nghĩa vụ do hoàn cảnh thay đổi mà việc tiếp tục hợp đồng quá bất công, có quyền đề nghị với bên kia điều chỉnh lại hợp đồng. Quy định này vẫn tôn trọng tự do thỏa thuận của các bên tham gia hợp đồng thể hiện

ở chỗ nếu không có đề nghị của bên bị thiệt hại thì dù có thay đổi hoàn cảnh, hợp đồng đã ký vẫn tiếp tục thực hiện. Mặt khác, luật cũng quy định, trước khi đề nghị tòa án can thiệp, bên đề nghị điều chỉnh hợp đồng phải chứng minh hai bên đã có một thời gian hợp lý thực hiện hợp đồng nhưng không có kết quả hoặc không được bên kia đáp ứng. Việc đưa quy định này vào không làm mất đi tính chất tự do thỏa thuận vì chỉ khi các bên không điều chỉnh hợp đồng trong một khoảng thời gian hợp lý thì tòa án mới có quyền can thiệp để chấm dứt hoặc điều chỉnh hợp đồng theo cách công bằng nhất. Mặt khác, việc điều chỉnh lại hợp đồng hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc thiện chí, theo hướng các bên không chỉ quan tâm, chăm lo đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình mà còn phải tôn trọng, quan tâm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Bên cạnh đó, trên thực tiễn

ở Việt Nam, cũng không thiếu lĩnh vực Tòa án đang can thiệp vào sự thỏa thuận (ban đầu) mà vẫn hợp tình, hợp lý. Ví dụ, năm 1992 ông Thiết và bà Lới đăng ký mua một kiốt của ông Sơn và bà Thìn với giá 7,8 triệu đồng và bên mua đã thanh toán được 4,8 triệu đồng và nhận kiốt. Sau đó, các bên có tranh chấp và năm 2006 (14 năm sau), Tòa án xác định thỏa thuận mua bán trên "*là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện*". Từ nhận định đó, Tòa án Nhân dân Tối cao đã điđến kết luận rằng "*số tiền còn thiếu, bên mua là ông Thiết, bà Lới phải thanh toán cho bên bán là ông Sơn, bà Thìn theo thời giá (kiốt phải được định giá để ông Thiết, bà Lới thanh toán theo giá mới phần chưa thanh toán theo tỷ lệ tương ứng)*". Ở

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đây, Tòa án Nhân dân Tối cao theo hướng cần phải định giá lại kiốt có tranh chấp và bên mua phải thanh toán phần chưa thanh toán theo tỷ lệ tương ứng. Như

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

vậy, Tòa án Nhân dân Tối cao đã can thiệp vào hợp đồng để tái cân bằng lợi ích cho các bên.[4]

Bốn là, khoản 4 Điều 420 BLDS năm 2015 quy định trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng hay khi Tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy, "thỏa thuận khác" là căn cứ duy nhất để một trong các bên có thể hoãn thực hiện nghĩa vụ. Vấn đề đặt ra là trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không? Với quy định hiện nay, nếu không thỏa thuận được, bên còn lại có thể cố tình trì hoãn giải quyết vụ việc tại Tòa án nhằm thu được nhiều lợi ích hơn và tiếp tục thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia. Quy định này chưa bảo vệ kịp thời cho bên yếu thế trong thời gian chờ Tòa án đưa ra quyết định cuối cùng.

Năm là, Điều 420 BLDS năm 2015 chỉ đề cập đến vai trò của Tòa án mà không quy định vai trò của trọng tài thương mại. Theo Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài trong các trường hợp sau: (i) tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; (ii) tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; (iii) tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải

quyết bằng trọng tài. Như vậy, trong trường hợp các bên không liên quan đến hoạt động thương mại, nếu có thỏa thuận trọng tài giải quyết trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản sẽ không thể thực hiện được vì BLDS năm 2015 chỉ quy định Tòa án có quyền giải quyết trong khi việc yêu cầu sự can thiệp từ trọng tài có một số ưu điểm nổi bật so với Tòa án, ví dụ như thời gian giải quyết nhanh chóng và thủ tục không phức tạp, có thể giảm thiểu được thiệt hại cho các bên. Bên cạnh đó, việc BLDS năm 2015 chỉ đề cập tới vai trò của Tòa án mà không đề cập tới vai trò của Trọng tài, mặc dù căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Trọng tài thương mại năm 2010: "*Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài*" các bên vẫn có thể hoàn toàn giải quyếttại trọng tài nhưng trên thực tế việc quy định không rõ ràng như vậy dễ gây cách hiểu sai là trọng tài không có thẩm quyền giải quyết mặc dù các bên có thỏa thuận trọng tài để giải quyết hệ quả của điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Do đó, pháp luật cần bổ sung vai trò của trọng tài trong việc sửa đổi nội dung hợp đồng khi các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý để quy định được rõ ràng và đảm bảo quyền lợi của các bên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

của

[4]Quyết định giám đốc thẩm số 14/2006/DS-GĐT ngày 06/6/2006 về "V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản" Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Sáu là, hệ quả pháp lý của việc sửa đổi hợp đồng cần được hướng dẫn cụ thể hơn nữa nhằm xác định các nghĩa vụ và trách nhiệm trước, trong và sau khi sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Có quan điểm cho rằng, việc sửa đổi hợp đồng phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Các điều khoản mới có hiệu lực thay thế cho các điều khoản đã bị sửa đổi; (ii) Việc sửa đổi hợp đồng tuân theo hình thức của hợp đồng nếu hình thức là bắt buộc và việc sửa đổi hợp đồng có thể nằm trong phần phụ lục của hợp đồng; (iii) Việc sửa đổi không được gây thiệt hại cho người thứ ba, trường hợp người thứ ba có lợi ích liên quan từ hợp đồng thì việc sửa đổi phải được người thứ ba đồng ý; (iv) Việc sửa đổi hợp đồng phải tuân thủ các quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng; (v) Không làm thay đổi việc chọn luật áp dụng để giải quyết tranh chấp cũng như thời hiệu khởi kiện.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 nghiên cứu thực trạng pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015, đặc biệt tập trung vào đánh giá những điểm mới nổi bật của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện hợp đồng, trước và sau khi có những điểm mới đó thì đã giải quyết được những vấn đề vướng mắc gì trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, tác giả cũng có sự so sánh, đối chiếu với quy định của pháp luật quốc tế để làm cơ sở học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm bổ ích cho việc hoàn thiện các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Bởi vì quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng theo pháp luật của một số quốc gia, pháp luật trong các bộ nguyên tắc hợp đồng quốc tế là những quy định tiến bộ, mang tính hội nhập, được các thương nhân, cá nhân, tổ chức tham gia ký kết hợp đồng và lựa chọn áp dụng. Vấn đề giao kết, thực hiện hợp đồng luôn được chú trọng xây dựng trên nền tảng thực tiễn thương mại quốc tế nên có giá trị thực tiễn cao, phù hợp với xu hướng phát triển của pháp luật hợp đồng hiện đại.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

3.1.1.Đề nghị giao kết hợp đồng

Thứ nhất, về định nghĩa đề nghị giao kết hợp đồng

Như đã trình bày ở trên, quy định khái niệm đề nghị giao kết hợp đồng trong BLDS năm 2015 chưa thể hiện được tiêu chí đánh giá mức độ xác định của một đề nghị giao kết. Do đó, tác giả đề xuất Khoản 1 Điều 386 BLDS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ "tính xác định cụ thể của người được đề nghị" để tránh trường hợp quy định này được hiểu theo nhiều nghĩa, gây khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật. Theo đó, cần bổ sung quy định "*một bên được coi là xác định cụ thể khi bên đề nghị gửi đề nghị của mình bằng các tiêu chí khách quan xác định được rõ bên mà đề nghị sẽ được gửi tới*" vào Điều 386 BLDS năm 2015 hoặc có thể học tập cách quy định giống Điều 14 của CISG, đó là: "*Một đề nghị là đủ chính xác khi nó nêu rõ hàng hóa và ấn định số lượng về giá cả một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc quy định thể thức xác định những yếu tố này*".

Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 cũng cần xác định cụ thể nội dung của đề nghị giao kết hợp đồng nhằm phân biệt giữa giao kết hợp đồng với một số hành vi như: lời mời làm chào hàng, báo giá, quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ... và ràng buộc trách nhiệm của bên đề nghị giao kết hợp đồng với đề nghị giao kết của mình. Theo quan điểm của tác giả, nội dung của đề nghị giao kết hợp đồng cần có 3 yếu tố chính là: (1) Đề nghị giao kết hợp đồng phải thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng của bên đề nghị giao kết hợpđồng; (2) Phải có các nội dung chủ yếu của loại hợp đồng mà các bên muốn xác lập;

(3) Phải thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng của bên đề nghị giao kết với chủ thể khác đã được xác định cụ thể.

Về việc xác định ý chí của các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, cần bổ sung nguyên tắc nhằm giải thích ý chí của các bên tham gia hợp đồng: "*Tuyên bố cách xử sự*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khác của một bên được giải thích theo nghĩa mà một người có lý trí, nếu người đó được đặt vào vị trí bên kia trong những hoàn cảnh tương tự cũng sẽ hiểu như thế".

BLDS năm 2015 đã thừa nhận việc đề nghị được gửi đến với công chúng. Do đó, BLDS năm 2015 cũng nên bổ sung trường hợp "*Đề nghị được đưa ra công khai thì cũng*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

bị hủy bỏ cùng cách thức với cách thức đưa ra đề nghị". Quy định này vừa bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho các bên trong quan hệ hợp đồng, vừa bảo đảm tính linh hoạt khi có các hình thức giao kết hợp đồng mới phát sinh trên thực tế.

Thứ hai, về kết cấu và nội dung quy định tại Khoản 2 Đ ều 386 LDS năm 2015.

Với tên điều luật là "Đề nghị giao kết hợp đồng", Điều 386 chỉ nên giữ lại khoản 1 phần về định nghĩa đề nghị giao kết hợp đồng. Việc quy định thêm khoản 2 Điều 386 là không cần thiết, thậm chí là bất hợp lí vì nội dung khoản 2 Điều 386 quy định nghĩa vụ của bên đề nghị trong thời hạn ấn định. Đây có thể được coi là trường hợp hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng. Do vậy, vị trí của điều khoản này sẽ hợp lí hơn nếu được đưa vào điều khoản quy định về hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng. Theo đó, điều khoản này cần phải được quy định lại dưới góc độ là một ngoại lệ của quyền hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng. Cụ thể, bên đề nghị sẽ không được quyền hủy bỏ đề nghị (bằng việc giao kết hợp đồng với người khác) trong thời hạn ấn định cho bên được đề nghị trả lời.

Thứ ba, sửa đổi quy định về chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng cho phù hợp với thực tế.

Trên thực tế, có một số trường hợp không được quy định trong Điều 391 BLDS năm 2015 nhưng cũng làm chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng như: *Trường hợp một bên hoặc hai bên đề nghị giao kết, bên được đề nghị giao kết chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị phá sản...* Do đó, theo quan điểm của tác giả, các nhà làm luật có thể lựa chọn một cách quy định khác về các trường hợp chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng, đó là bỏ Điềuvề chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng, đồng thời quy định thay vào đó trường hợp đồng, thay đổi, rút lại, hủy bỏ đề nghị giao kết hoặc có thể được hiểu qua việc bên được đề nghị trả lời không chấp nhận hoặc trả lời chấp nhận quá thời hạn

được ấn định. Những hệ quả pháp lí này có thể được quy định tại các điều khoản tương ứng đó. Đối với trường hợp rút lại đề nghị, nếu như bên đề nghị rút lại đề nghị bằng việc tuân thủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 392 thì đề nghị giao kết đó được suy ra là sẽ không còn hiệu lực nữa. Đối với trường hợp thay đổi đề nghị giao kết, khi bên đề nghị thay đổi đề nghị ban đầu bằng việc tuân thủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 389 thì đề nghị giao kết hợp đồng ban đầu sẽ không còn hiệu lực nữa. Thay vào đó là sự xuất hiện và có hiệu lực của đề nghị giao kết mới. Tương tự đối với trường hợp hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng. Nếu bên đề nghị tuân thủ các điều kiện về hủy bỏ đề nghị, đề nghị giao kết sẽ không còn hiệu lực nữa. Do vậy, có thể quy định các hệ quả pháp lí này ngay tại các điều luật này. Thay

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

vào vị trí điều khoản về chấm dứt đề nghị hợp đồng, bổ sung quy định trường hợp từ chối đề nghị giao kết. Có thể học cách quy định của PICC về từ chối giao

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

kết hợp đồng như sau: "*Đề nghị giao kết hợp đồng không còn hiệu lực khi từ chối đề nghị giao kết hợp đồng đến bên đề nghị*".

3.1.2. Chấp nhận nhận đề nghị giao kết hợp đồng

Thứ nhất, về nội dung chấp nhậnđề nghị giao kết hợp đồng

Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời đồng ý của bên được đề nghị giao kết hợp đồng với toàn bộ nội dung được nêu trong đề nghị giao kết của bên đề nghị giao kết hợp đồng. Nội dung chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phải đảm bảo hai yếu tố sau: Đồng ý toàn bộ nội dung như đã nêu trong đề nghị giao kết hợp đồng (tức là chấp nhận đầy đủ và không thiếu nội dung nào) và không bổ sung thêm nội dung nào khác so với đề nghị giao kết hợp đồng.

Tuy nhiên, các quy định về hợp đồng trong BLDS là quy định chung nhất, áp dụng được cho tất cả các loại hợp đồng, trong đó có lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Do đó, cũng cần nghiên cứu và quy định rõ đối với trường hợp trả lời có sửa đổi, bổ sung nhưng không ảnh hưởng nhiều đến các nội dung trong đề nghị giao kết hợp đồng thì được coi là sự chấp nhận, trừ khi bên đề nghị giao kết không đồng ý (tức là không quy định bắt buộc chấp nhận đề nghị phải đồng ý toàn bộ nội dung đề nghị) đã được nêu trong "Nguyên tắc Hợp đồng Thương mại Quốc tế" do Viện Thống nhất Tư pháp Quốc tế soạn thảo và quy định của Công ước Viên 1980. Theo đó, trả lời đề nghị giao kết hợp đồng có sự sửa đổi, bổ sung nhưng không ảnh hưởng nhiều đến các nội dung trong đề nghị giao kết hợp đồng như: sửa đổi kết cấu điều khoản hợp đồng; nêu rõ pháp luật áp dụng khi có tranh chấp...

mà được bên đề nghị giao kết hợp đồng đồng ý thì được coi là chấp nhận đề nghị giao kết. Như vậy, sẽ phù hợp hơn với quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại vốn rất linh hoạt, năng động và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, sửa đổi quy định về đề thời hạn trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng để đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng.

Khoản 1 Điều 394 BLDS năm 2015 có quy định "*khi bên đề nghị có ấn định thời hạn trả lời thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực khi được thực hiện trong thời hạn đó; nếu bên đề nghị giao kết hợp đồng nhận được trả lời khi đã hết thời hạn trả lời thì lời*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

chấp nhận này được coi là đề nghị mới của bên chậm trả lời". Quy định này không thống nhất vì vừa theo "Thuyết tống phát" vừa theo "Thuyết tiếp nhận".

Theo quan điểm của tác giả, để đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng, BLDS năm 2015 có thể sửa lại là "*Trong trường hợp bên đề nghị có ấn định thời hạn chờ trả lời thì*

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực khi bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận trong thời hạn đó; nếu bên đề nghị giao kết hợp đồng nhận được trả lời khi đã hết thời hạn chờ trả lời thì lời chấp nhận này được coi là đề nghị mới của bên chậm trả lời".

Về thời điểm xác định thời hạn: BLDS năm 2015 cần đưa ra cách xác định cụ thể thời điểm bắt đầu thời hạn trả lời chấp nhận, khi bên đề nghị có ấn định thời hạn trả lời chấp nhận mà không xác định thời điểm bắt đầu thời hạn này, giải pháp cho vấn đề có thể học tập quy định tại Điều 2.1.8 của PICC, theo đó, "*thời hạn chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng do bên đề nghị ấn định bắt đầu tính từ lúc đề nghị được gửi đi. Ngày ghi trong đề nghị được cho là ngày gửi đi, trừ khi hoàn cảnh cho thấy điều ngược lại*".

Thứ ba, về hình thức trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng

Pháp luật dân sự chưa có quy định cụ thể về hình thức của chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Thực tế cho thấy việc chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có thể thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Các bên có thể trực tiếp (đối mặt) với nhau để trao đổi, thỏa thuận hoặc có thể thông qua điện thoại, bằng việc chuyển công văn, giấy tờ qua đường bưu điện, thông qua phương tiện điện tử hoặc các phương tiện khác mà các bên giao kết hợp đồng không có mặt tại cùng một địa điểm để giao kết hợp đồng... để thỏa thuận, thống nhất ý chí của mình trong một hợp đồng cụ thể.

Như vậy, BLDS năm 2015 có thể quy định hình thức của chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng theo hướng khái quát là: "*Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có thể thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Quy định này vừa bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho các bên trong quan hệ hợp đồng, vừa bảo đảm tính linh hoạt khi có các hình thức giao kết hợp đồng mới phát sinh trên thực tế.

Bên cạnh đó, theo tác giả, như đã phân tích ở Chương 2, BLDS năm 2015 nên bổ sung quy định việc im lặng là đồng ý theo tập quán và do pháp luật quy định để tương thích với pháp luật quốc tế và phù hợp với thực tiễn theo hướng: "*Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc có quy định của pháp luật hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên hoặc theo tập quán".*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Về chấp nhận đề nghị giao kết bằng hành vi cụ thể, trên cơ sở phân tích, so sánh các quy định về việc chấp nhận đề nghị bằng hành vi cụ thể, tác giả cho rằng BLDS năm 2015

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cần quy định chi tiết về trường hợp này và nên học tập giải pháp được nêu tại Điều 18 của CISG và Điều 2.1.6 của PICC. Theo đó, khi bên được đề nghị biểu thị sự chấp nhận của mình bằng hành vi cụ thể (đặc biệt là các hành vi mà bản thân hành vi không tạo thành một thông báo chấp nhận đề nghị giao kết với bên đề nghị trong một thời hạn hợp lí, ví dụ: sự phát hành thư tín dụng) thì bên được đề nghị phải thông báo cho bên đề nghị được biết, hoặc nếu không thông báo thì phải thuộc một trong các ngoại lệ, các ngoại lệ này cũng nên quy định theo Khoản 3 Điều 18 của CISG hoặc Điều 2.1.6 PICC , theo đó tác giả kiến nghị bổ sung BLDS năm 2015 quy định như sau: "*Nếu theo đề nghị giao kết hợp đồng, các thói quen đã được xác lập hoặc theo tập quán, bên được đề nghị có thể chỉ ra là mình đã chấp nhận giao kết hợp đồng bằng việc thực hiện một hành vi nào đó như hành vi liên quan đến việc gửi hàng hay trả tiền chẳng hạn dù họ không thông báo cho bên đề nghị biết, việc chấp nhận có hiệu lực khi hành vi đó được hoàn thành*".

3.1.3. Thời điểm giao kết hợp đồng

Như đã đánh giá về quy định của BLDS năm 2015 về thời điểm giao kết hợp đồng ở Chương 2, để đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng và tránh mâu thuẫn trong quy định tại Điều 400 BLDS năm 2015, Điều 400 BLDS năm 2015 cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Thứ nhất, sửa đổi về nguyên tắc chung xác định thời điểm giao kết hợp đồng

Như đã phân tích ở trên, Điều 400 BLDS năm 2015 chỉ đề cập đến việc giao kết hợp đồng bằng một hình thức xác định, chứ không quy định việc giao kết hợp đồng bằng nhiều hình thức khác nhau, nguyên tắc xác định thời điểm giao kết hợp đồng cũng không được dựa vào phương thức giao kết hợp đồng. Bên cạnh đó, khi áp dụng khoản 3 và khoản 4 Điều 400 BLDS năm 2015 thì việc xác định các quy tắc riêng cho thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói và thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản theo quy định hiện nay là chưa phù hợp. Thực tế có nhiều trường hợp vướng mắc bởi vì có những trường hợp thời điểm chấp nhận giao kết (nhận được lời chấp nhận) và thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản là hai thời điểm khác nhau thì không biết căn cứ áp dụng xác định thời điểm nào. Vì vậy, tác giả kiến nghị khoản 1 Điều 400 BLDS năm 2015 cần được sửa đổi hoặc cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn bổ sung khoản 1 Điều 400 BLDS năm 2015 theo hướng như

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

sau: "*Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hợp đồng phải được giao kết*

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

theo hình thức, thủ tục xác định thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm hoàn tất hình thức, thủ tục đó". Bỏ Khoản 3 Điều 400 BLDS năm 2015 vì không cần thiết và có thể áp dụng nguyên tắc chung tại Khoản 1 Điều 400 để xác định trong trường hợp được giao kết bằng lời nói.

Thứ hai, sử đổi quy định đối với trường hợp giao kết hợp đồng bằng văn bản

Để làm rõ và cụ thể trường hợp xác định thời điểm giao kết bằng văn bản, cần xác định thời điểm giao kết hợp đồng dựa vào phương thức giao kết và hình thức giao kết. Theo đó, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 4 Điều 400 BLDS năm 2015 theo hướng: *"Trong trường hợp việc giao kết hợp đồng được các bên xác lập trực tiếp, trên cùng một văn bản thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản; nếu hợp đồng được lập thành nhiều văn bản có nội dung giống nhau, thì hợp đồng được giao kết tại thời điểm mỗi bên đã ký vào văn bản của bên kia. Văn bản được lập chỉ cần các bên hoặc người đại diện hợp pháp của các bên ký tên và ghi rõ họ tên là đủ mà không cần phải có thêm thủ tục nào khác. Nếu các bên giao kết hợp đồng bằng văn bản được gửi qua bưu điện, hoặc phương tiện thông tin, liên lạc khác hoặc nếu chỉ có trả lời chấp nhận là được làm bằng văn bản, thì hợp đồng được giao kết tại thời điểm bên đề nghị nhận được văn bản trả lời chấp nhận, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Thứ ba, bổ sung quy định thời điểm giao kết hợp đồng khi bên được đề nghị trả lời chấp nhận giao kết bằng hành vi cụ thể

BLDS năm 2015 không có quy định cụ thể về các trường hợp giao kết hợp đồng và trả lời chấp nhận giao kết bằng hành vi cụ thể trong khi đây là hình thức giao dịch khá phổ biến trong đời sống hiện nay. Theo quan điểm của tác giả, BLDS năm 2015 nên bổ sung nguyên tắc để xác định thời điểm giao kết hợp đồng trong những trường hợp này để giải quyết những tranh chấp có liên quan trên thực tế.

Việc trả lời chấp nhận giao kết bằng hành vi có ba khả năng: bên được đề nghị trả lời ngay bằng hành vi cụ thể; bên được đề nghị trả lời sau một thời gian xác định và có thông báo về việc thực hiện hành vi cụ thể; bên được đề nghị trả lời sau một thời hạn xác định nhưng không thông báo. Về nguyên tắc, việc giao kết là sự gặp gỡ, ý chí giữa các bên, nên khi các bên không trao đổi bằng lời nói hay văn bản, mà được thực hiện bằng hành vi cụ thể,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

thì sự chấp nhận đó phải được thông tin cho bên đề nghị biết, trừ trường hợp bên kia có thể biết được điều này do tập quán thương mại hoặc do thói quen giao dịch giữa các

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

bên. Việc xác định thời điểm giao kết cũng có hai giải pháp có thể lựa chọn: khi bên được đề nghị đã thực hiện hoàn thành hành vi hoặc khi bắt đầu thực hiện hành vi. Thiết nghĩ, cần phân biệt các trường hợp khác nhau như sau:

Trong trường hợp trả lời bằng hành vi cụ thể được thực hiện ngay thì thời điểm giao kết trong trường hợp này là thời điểm bắt đầu hành vi cụ thể. Ví dụ như đi gửi xe, mặc dù người giữ xe không trả lời nhưng vẫn ghi vé và trông xe như bình thường. Tuy nhiên cũng cần lưu ý là trong một số trường hợp do thỏa thuận của các bên hoặc do pháp luật có quy định khác, bên được đề nghị phải thực hiện xong những hành vi cụ thể thì hợp đồng mới được giao kết. Ví dụ: bên được hứa thưởng phải đạt được kết quả và bàn giao kết quả đó cho bên hứa thưởng thì sẽ được trả thưởng: "*Trong trường hợp một công việc được hứa thưởng do một người thực hiện thì khi công việc hoàn thành người thực hiện công việc đó được nhận thưởng"* (Khoản 1 Điều 572 BLDS năm 2015). Bởi vậy, trong trường hợp này cần phải quy định theo hướng: nguyên tắc chung là giao kết tại thời điểm bắt đầu thực hiện công việc, trừ những ngoại lệ do pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.

- Trong trường hợp hành vi cụ thể trả lời sau một thời hạn, trong hoàn cảnh bình thường thì hợp đồng giao kết tại thời điểm bên được đề nghị đã bắt đầu thực hiện công việc và bên đề nghị đã nhận được thông báo về thời điểm bắt đầu công việc. Nhưng nếu bên thực hiện công việc không chịu thông báo về việc bắt đầu thực hiện công việc thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm công việc được thực hiện hoàn thành.

- Trong trường hợp nếu do ấn định trước trong đề nghị hoặc do thói quen được xác lập giữa các bên, hoặc do tập quán mà việc chấp nhận bằng hành vi cụ thể không cần phải thông báo, thì hợp đồng giao kết lúc bắt đầu công việc.

Như vậy, tác giả kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung Điều 400 BLDS năm 2015 theo hướng như sau: "*Trong trường hợp bên được đề nghị trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng bằng một hành vi cụ thể thì hợp đồng được giao kết tại thời điểm bên được đề nghị bắt đầu thực hiện hành vi đó. Trường hợp giao kết hợp đồng với người ở xa thì hợp đồng được giao kết tại thời điểm bên đề nghị nhận được thông báo của bên được đề nghị về việc bắt đầu thực hiện hành vi cụ thể đó. Nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận bằng việc thực hiện một công việc cụ thể nhưng không thông báo về việc này thì hợp đồng giao kết vào thời điểm hoàn thành công việc hoặc vào thời điểm có căn cứ chứng minh bên được đề nghị biết về hành vi đó, trừ*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

trường hợp theo đề nghị giao kết hợp đồng hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên, hoặc theo tập quán, bên được đề nghị có thể chấp nhận đề

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nghị bằng một hành vi cụ thể mà không cần phải thông báo cho bên đề nghị thì hợp đồng được giao kết khi bên được đề nghị bắt đầu thực hiện hành vi này".

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

3.2.1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng

Để có thể xác định được các loại thiệt hại mà bên bị vi phạm có thể yêu cầu bồi thường từ các quy định tại Điều 419 BLDS năm 2015, tác giả kiến nghị cần bổ sung và hướng dẫn cụ thể Điều 419 nhằm tạo điều kiện cho việc xác định thiệt hại trên thực tế để yêu cầu bồi thường một cách dễ dàng. Theo đó, có thể bổ sung khoản 2 Điều 419 theo hướng học tập cách quy định của pháp luật quốc tế, bổ sung và hướng dẫn về việc xác định các lợi ích mà lẽ ra bên có quyền sẽ được hưởng theo hướng: "*Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm, những tổn thất này bao gồm những tổn thất phải gánh chịu và những lợi ích đáng lẽ phải có từ việc thực hiện hợp đồng, có tính đến những chi phí tổn thất mà bên vi phạm tránh được".*

Về những tổn thất tinh thần được bồi thường, theo quan điểm của tác giả thì đối với những tổn thất bên có quyền phải chịu do không thực hiện đúng hợp đồng thì chúng ta xác định căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể và trong một chừng mực có thể vận dụng tương tự như việc xác định thiệt hại trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà BLDS năm 2015 quy định khá chi tiết. Cách tính thiệt hại khi sức khỏe bị xâm phạm, xác định thiệt hại khi danh dự, uy tín bị xâm phạm trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng có thể được khai thác và vận dụng tương tự.

3.2.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào các thể chế kinh tế thế giới, việc bổ sung cụ thể, rõ ràng căn cứ, điều kiện, phạm vi áp dụng và hậu quả pháp lý của việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi tại Điều 420 BLDS năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý vữnanhg chắc cho ứng xử của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng như cho Tòa án trong quá trình giải quyết các tranh chấp liên quan, đồng thời làm cho pháp luật hợp đồng Việt Nam ngày càng trở nên hiện đại, tương thích với pháp luật của các nước và của

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

các tổ chức quốc tế, đồng thời cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và trình độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nước ta. Tuy nhiên, để đảm bảo quy định

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được áp dụng một cách có hiệu quả, tác giả kiến nghị một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, pháp luật có thể xem xét bổ sung về việc bên có lợi ích bị ảnh hưởng có nghĩa vụ phải thông báo về tình trạng thay đổi hoàn cảnh cơ bản gây ảnh hưởng nghiêm trọng trước khi yêu cầu bên còn lại đàm phán điều chỉnh hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, đồng thời bên được đề nghị có nghĩa vụ phải phản hồi lại yêu cầu đàm phán trong thời hạn nhất định kể từ ngày nhận được đề nghị. Do hoàn cảnh thay đổi cơ bản có tác động đáng kể đến lợi ích chính đáng của một bên nên việc giới hạn thời gian giải quyết hệ quả của hoàn cảnh thay đổi cơ bản rất quan trọng. Nghĩa vụ thông báo giúp cho các bên nhận thức được về ảnh hưởng của hoàn cảnh thay đổi một cách kịp thời và rõ ràng, giúp các bên có thể chuẩn bị sẵn những phương án sửa đổi nội dung hợp đồng, có thể phải sử dụng đến hoặc cân nhắc về việc chấm dứt hợp đồng.

Thứ hai, bổ sung quy định bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để tránh tình trạng bên còn lại có thể cố tình trì hoãn giải quyết vụ việc tại Tòa án nhằm thu được nhiều lợi ích hơn và tiếp tục thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia.

Thứ ba, bổ sung vai trò của trọng tài trong việc sửa đổi nội dung hợp đồng khi các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý để quy định được rõ ràng và đảm bảo quyền lợi của các bên.

Thứ tư, việc sửa đổi hợp đồng cần được hướng dẫn cụ thể hơn nữa nhằm xác định các nghĩa vụ và trách nhiệm trước, trong, và sau khi sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Theo đó, việc sửa đổi hợp đồng phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Các điều khoản mới có hiệu lực thay thế cho các điều khoản đã bị sửa đổi; (ii) Việc sửa đổi hợp đồng tuân theo hình thức của hợp đồng nếu hình thức là bắt buộc, và việc sửa đổi hợp đồng có thể nằm trong phần phụ lục của hợp đồng;

(iii) Việc sửa đổi không được gây thiệt hại cho người thứ ba, trường hợp người thứ ba có lợi ích liên quan từ hợp đồng thì việc sửa đổi phải được người thứ ba đồng ý;

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

(iv) Việc sửa đổi hợp đồng phải tuân thủ các quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng;

(v) Không làm thay đổi việc chọn luật áp dụng để giải quyết tranh chấp cũng như thời hiệu khởi kiện.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ năm, các quy định trong BLDS năm 2015 về hoàn cảnh thay đổi cơ bản còn một số thuật ngữ mang tính chất tương đối như khái niệm "thiệt hại", "các chi phí để thực hiện hợp đồng", "thời gian hợp lý", "hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác", thiết nghĩ Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn đường lối giải quyết, giải thích các thuật ngữ để tránh được sự áp dụng tùy tiện, cảm tính của thẩm phán.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Pháp luật về hợp đồng là một trong những chế định quan trọng của hệ thống pháp luật dân sự, tạo cơ sở pháp lý để điều chỉnh các quan hệ dân sự - kinh tế phát sinh trong đời sống xã hội. Bộ luật Dân sự năm 2015 với nhiều sự thay đổi, bổ sung về giao kết, thực hiện hợp đồng đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản trong việc điều chỉnh quan hệ pháp luật hợp đồng, tạo điều kiện cho các chủ thể xử sự với nhau phù hợp hơn, các thỏa thuận được các bên tôn trọng và thực hiện ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, thực tiễn nhận thức và áp dụng các quy định này cho thấy nội dung của chúng còn những mâu thuẫn bất hợp lý và cần được khắc phục trong thời gian tới. Trên cơ sở tiếp thu những kinh nghiệm từ quy định pháp luật của các quốc gia tiên tiến và trong các Bộ nguyên tắc về hợp đồng quốc tế, tác giả đã nêu lên quan điểm chủ quan của mình trong việc dự liệu một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật hiện hành về giao kết, thực hiện hợp đồng. Việc tiếp thu vận dụng các quy định trong phần giải pháp đã được tính đến yếu tố tổng thể và thực tiễn tình hình áp dụng pháp luật hợp đồng ở Việt Nam với mục đích tương thích với pháp luật của các nước và các tổ chức quốc tế, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

KẾT LUẬN

Hợp đồng là chế định quan trọng của Bộ luật Dân sự Việt Nam, trong đó, giao kết hợp đồng tạo ra hình thức pháp lý cho quan hệ trao đổi, còn quyền và nghĩa vụ mà các bên đặt ra có đạt được hay không là nhờ vào quá trình thực hiện hợp đồng. Chính vì vậy, nghiên cứu tìm hiểu những vấn đề lý luận cơ bản, nghiên cứu tìm hiểu những quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng là vô cùng quan trọng, đặc biệt là khi Bộ luật Dân sự năm 2015 vừa mới có hiệu lực cùng với những thay đổi đáng kể về quy định của giao kết, thực hiện hợp đồng.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật chắc chắn phải trên cơ sở đặc điểm chính trị, điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như văn hóa của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, những giá trị ưu việt mang tính phổ quát, những kinh nghiệm thành công của các quốc gia khác cũng cần được tham khảo và vận dụng. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 đã tiếp thu nhiều tư tưởng mới mà các quốc gia văn minh đã và đang áp dụng nhằm làm cho pháp luật về hợp đồng của Việt Nam ngày càng phù hợp với pháp luật hợp đồng của các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, việc tiếp thu phải tính đến những điểm bất cập và chưa hoàn thiện của các quy định trong pháp luật các nước, từ đó loại bỏ được những khiếm khuyết của các quy định của pháp luật các nước đã được ban hành trước đây, đồng thời làm cho pháp luật hợp đồng Việt Nam ngày càng trở nên hiện đại, tương thích với pháp luật của các nước và của các tổ chức quốc tế, nhưng cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và trình độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nước ta. Trên cơ sở phân tích về những điểm bất cập, chưa hợp lý của pháp luật thực định Việt Nam, kết hợp với các kinh nghiệm quốc tế, tác giả đã kiến nghị một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về giao kết, thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013

2. Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Luật Thương mại năm 2005.

4. Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010.

6. Luật Trọng tài Thương mại năm 2010.

7. Bộ luật Dân sự năm 2005.

8. Những nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế - NXB TP HCM/1999.

9. Giáo trình Luật dân sự 1- Trường ĐH Luật Hà Nội 2021.

10. Giáo trình Luật dân sự 2 - Trường ĐH Luật Hà Nội 2021.

11. Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án – tập 1 và 2" của PGS.TS. Đỗ Văn Đại năm 2011

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com